

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300322171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/02/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 29/03/2018)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Quyết định chấp thuận niêm yết số 337./QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 03./6./2019.

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Lô B5 – Khu IVB1 Nam Sông Trà Khúc,
P. Trần Phú, TP. Quảng Ngãi, Quảng Ngãi
Tel: (0255) 381 9662
Fax: (0255) 381 9598
Website: www.thuydienuoctrong.com.vn

RONG VIET
SECURITIES



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Tầng 1-2-3-4, Tòa nhà Viet Dragon
141 Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM
Tel: (028) 6299 2006
Fax: (028) 6291 7986
Website: www.vdsc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: NGUYỄN ĐÌNH XUÂN - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Địa chỉ: Lô B5 – Khu IVB1 Nam Sông Trà Khúc, P. Trần Phú, Tp. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
Tel: (0255) 381 9662 Fax: (0255) 381 9598 Website: www.thuydienuoctrong.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Lô B5 – Khu IVB1 Nam Sông Trà Khúc, P. Trần Phú, Tp. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Tel: (0255) 381 9662 Fax: (0255) 381 9598

Website: www.thuydiennuoctrong.com.vn Email: nuoctrong@thuydiennuoctrong.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300322171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/02/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 29/03/2018)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy Điện Nước Trong
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mã cổ phiếu: NTH
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng niêm yết: 10.802.053 cổ phiếu
- Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 108.020.530.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Tầng 1-2-3-4, Tòa nhà Viet Dragon
141 Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM
Tel: (028) 6299 2006
Fax: (028) 6291 7986
Website: www.vdsc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp.
Đà Nẵng
Tel: (0236) 365 5886
Fax: (0236) 365 5887
Website: www.aac.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: NGUYỄN ĐÌNH XUÂN - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Địa chỉ: Lô B5 – Khu IVB1 Nam Sông Trà Khúc, P. Trần Phú, Tp. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Tel: (0255) 381 9662 Fax: (0255) 381 9598 Website: www.thuydiennuoctrong.com.vn



MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	5
1.	Rủi ro về kinh tế.....	5
2.	Rủi ro về luật pháp.....	9
3.	Rủi ro đặc thù	10
4.	Rủi ro khác	12
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH. 13	
1.	Tổ chức niêm yết	13
2.	Tổ chức tư vấn.....	13
III.	CÁC KHÁI NIỆM	14
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	15
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	15
2.	Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	23
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	23
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ nắm giữ cổ phần; Cơ cấu cổ đông.....	25
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết	26
6.	Hoạt động kinh doanh.....	26
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	39
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	42
9.	Chính sách đối với người lao động	48
10.	Chính sách cổ tức.....	49
11.	Tình hình hoạt động tài chính	51
12.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng	56
13.	Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty).....	70
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo	71
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	73
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	73
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	73



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	74
1. Loại chứng khoán	74
2. Mã chứng khoán	74
3. Mệnh giá	74
4. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	74
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết.....	74
6. Phương pháp tính giá.....	75
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	76
8. Các loại thuế có liên quan.....	77
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	79
1. Tổ chức tư vấn.....	79
2. Tổ chức kiểm toán	79
VII. PHỤ LỤC.....	79



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Rủi ro về kinh tế

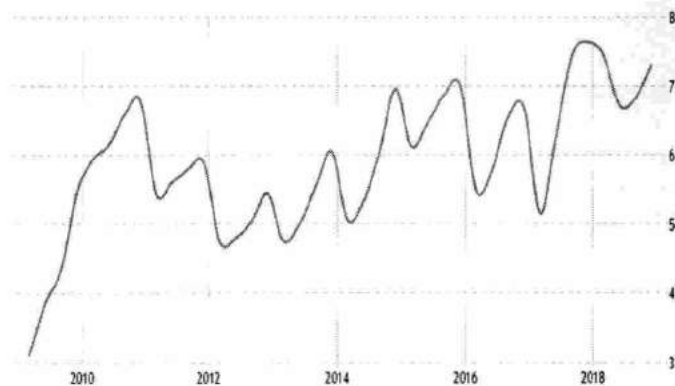
Rủi ro về kinh tế là loại rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất,... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, trong đó bao gồm cả ngành thủy điện. Vì vậy, việc phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ làm rõ mức độ tác động của loại rủi ro này cũng như đưa ra được các biện pháp hạn chế, khắc phục mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

✦ *Tăng trưởng kinh tế*

Rủi ro về kinh tế là loại rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất,... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế. Từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008, Việt Nam vẫn duy trì được mức tăng trưởng GDP trong những năm qua ở mức khá cao so với các quốc gia trong khu vực.

GDP năm 2018 đạt 7,08%. Chỉ số IIP năm 2018 tăng trưởng mạnh hơn giai đoạn 2012-2016, mặc dù vẫn thấp hơn năm 2017 ở mức 14% do ngành chế biến chế tạo tiếp tục tăng trưởng mạnh. Doanh số bán lẻ tăng trưởng tốt do yếu tố giá và sức mua đều tăng điểm.

Năm 2018 GDP tăng trưởng 7,08%-mức tăng cao nhất kể từ năm 2011 (quý I tăng 7,45%, quý II tăng 6,73%, quý III tăng 6,88%, quý IV tăng trưởng 7,31%). Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp năm 2018 duy trì mức tăng trưởng khá với 8,79%, đóng góp 2,85



SOURCE: THAD/BISECONOMICS.COM | GENERAL STATISTICS OFFICE OF VIETNAM

điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục khẳng định là điểm sáng của khu vực này và là động lực chính của tăng trưởng với mức tăng 12,98%, tuy thấp hơn mức tăng của cùng kỳ năm 2017 nhưng cao hơn nhiều so với mức tăng các năm 2012-2016, đóng góp 2,55 điểm phần trăm. Ngành công nghiệp khai khoáng vẫn tăng trưởng âm (giảm 3,11%), làm giảm 0,23 điểm phần trăm mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế nhưng mức giảm đã được thu hẹp đáng kể so với mức giảm 7,1% của năm trước. Ngành xây dựng năm 2018 duy trì được mức tăng trưởng khá với tốc độ 9,16%, đóng góp 0,65 điểm phần trăm.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Kinh tế tăng trưởng tốt nhờ chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và đẩy mạnh cải cách: khu vực công nghiệp và xây dựng và khu vực dịch vụ trở thành trụ cột nền kinh tế thay thế cho khu vực nông lâm thủy sản. 16 Hiệp định FTA đang đàm phán và ký kết, và cùng với những cải cách trong nước, Việt Nam thu hút dòng vốn FDI trong lĩnh vực sản xuất qua đó mở rộng và đa dạng hóa thị trường và mặt hàng xuất khẩu, tận dụng khoảng trống thị trường tạo ra bởi cuộc chiến thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc.

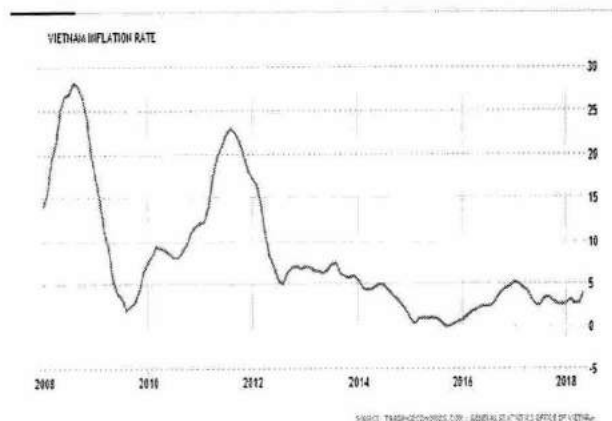
Sự tăng trưởng của tầng lớp trung lưu mạnh mẽ ở Việt Nam và Châu Á là hệ quả tất yếu của sự cải thiện thu nhập bình quân ở các thị trường mới nổi với tốc độ tăng trưởng GDP cao. Theo dự báo của IMF, tăng trưởng GDP của Việt Nam trong giai đoạn 2018-2022 sẽ duy trì trên mức 6%/năm trong khi ở Asian 5, thế giới và Singapore lần lượt là 5%, 3,5% và 2,5%.

GDP năm 2019 ước tính sẽ đạt tốc độ tăng trưởng giảm nhẹ so với 2018, tại mức 6,7%. Động lực tăng trưởng GDP chủ yếu sẽ đến từ mảng hoạt động xuất nhập khẩu và hoạt động tiêu dùng cá nhân duy trì tốc độ tăng trưởng trên 10%. Kim ngạch xuất nhập khẩu sẽ giữ được tốc độ tăng trưởng trong năm sau do 3 yếu tố: (1) chiến tranh thương mại tiếp tục gây lợi cho Việt Nam, trong đó 2 cấu phần được hưởng lợi chính là ngành công nghiệp (thiết bị cơ khí, điện thoại, dệt may) và ngành nông nghiệp (thủy sản); (2) Samsung tiếp tục triển khai các sản phẩm điện thoại mới. (3) Các dự án đầu tư công trọng điểm quốc gia được giải ngân nhằm hoàn thành kế hoạch 2019-2020 khiến mức tiêu dùng chính phủ cũng tăng trưởng đồng thuận.

Với tốc độ tăng nhanh của nền kinh tế, nhu cầu về năng lượng cung cấp là một trong những nhân tố thiết yếu phải đáp ứng song song với mức độ tăng trưởng. Trong đó, điện tử thủy điện cũng đóng góp không nhỏ vào nhu cầu sử dụng điện của quốc gia. Những biến động của kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước sẽ phần nào tác động đến sự phát triển của các thành phần kinh tế và gián tiếp ảnh hưởng tới năng suất tiêu thụ điện năng. Tuy nhiên sự ảnh hưởng này không đáng kể do ngành điện vẫn trong giai đoạn tăng trưởng, nguồn cung không đáp ứng đủ cầu và đây cũng là một trong những ngành đang được Chính phủ khuyến khích đầu tư.

⚡ *Lạm phát*

Lạm phát là yếu tố tác động rất lớn đến nền kinh tế Việt Nam và cũng là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp lẫn gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2008 – 2016, chỉ số lạm phát CPI đạt đỉnh 23,1% vào năm 2008 và có xu hướng giảm dần cho đến nay. Lạm phát sau khi xuống





CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

thấp kỷ lục vào năm 2015 lại tăng dần lên trong những tháng cuối năm 2016 sau những lần tăng giá các mặt hàng do nhà nước quản lý như dịch vụ y tế và giáo dục. Tuy nhiên, chỉ số lạm phát (CPI) năm 2016 vẫn được kiềm chế. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của 2016 tăng 4,74%. Đây là mức tăng thấp hơn so với mức lạm phát mục tiêu 5% được Quốc Hội thông qua nhưng cao hơn nhiều so với mức tăng 0,6% của năm 2015. Năm 2017, chỉ số CPI bình quân cả năm cũng chỉ tăng 3,53% (dưới mục tiêu Quốc hội đề ra).

Lạm phát cơ bản tháng 12/2018 tăng 0,09% so với tháng trước và tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân của năm 2018 chỉ số CPI đạt con số 3,54% tăng 1,48% so với bình quân năm 2017, đáp ứng mục tiêu Quốc hội đề ra.

CPI bình quân năm 2018 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- + Các địa phương điều chỉnh giá dịch vụ y tế, dịch vụ khám chữa bệnh theo Thông tư số 02/2017/TT-BYT và Thông tư số 39/2018/TT-BYT làm giá dịch vụ y tế tăng 13,86% (tác động làm CPI chung tăng 0,54%).
- + Tiếp tục thực hiện lộ trình tăng học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP làm chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục năm 2018 tăng 7,12% so với năm 2017 (tác động làm CPI tăng 0,37%).
- + Việc tăng lương tối thiểu vùng áp dụng cho người lao động ở các doanh nghiệp từ ngày 1/1/2018 và mức lương cơ sở áp dụng cho cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang từ ngày 1/7/2018 làm giá bình quân 1 số loại dịch vụ tăng 3%-5% so với năm 2017.
- + Ngoài ra còn một số yếu tố về thị trường, giá nhóm hàng lương thực tăng 3,71%, giá thịt lợn tăng 10,37% giá xăng, dầu tăng 15,25%,... và một số mặt hàng thiết yếu khác đều tăng giá.

CPI năm 2019 sẽ tăng trở lại mức 4,0% do (1) giá dầu duy trì mức giao dịch hiện tại với giá Brent ước tính giao dịch trong mức 65-68 USD/thùng và giá WTI dự kiến sẽ giao dịch vùng giá 58-61; (2) Fed và ECB chuyển sang chính sách thắt chặt tiền tệ. Fed dự kiến sẽ tiếp tục nâng lãi suất 2 lần trong năm 2019 và ECB sẽ thu hẹp bảng cân đối kế toán vào cuối năm 2019 và nâng mức lãi suất vào nửa cuối năm 2019; (3) Với mức tăng trưởng GDP hai năm (2017 và 2018) liên tục vượt mức 6,8%, giá điện có thể sẽ tăng mạnh vào năm sau trong tình trạng thiếu điện khi ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng mạnh.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các chi phí đầu vào. Lạm phát gia tăng sẽ khiến chi phí nhân công, cung cấp dịch vụ của Công ty tăng cao. Để giảm thiểu tác động của rủi ro lạm phát đến hoạt động kinh doanh, CTCP Thủy điện Nước Trong luôn tăng cường hệ thống quản trị rủi ro và chủ động trong công tác dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán.

➤ **Lãi suất**

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật hàng ngày nhằm đưa ra các chiến lược đầu tư hợp lý. Không phải bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng đều có một lượng vốn đủ lớn để tiến hành tổ chức sản xuất kinh doanh mà phần lớn đều phải huy động thêm từ các nguồn bên ngoài, trong đó một kênh phổ biến là thông qua vay vốn và chịu lãi suất sử dụng vốn vay. Sự biến động của lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến các chi phí lãi vay hàng năm của Doanh nghiệp.

Trong bốn năm trở lại đây, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2013 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay thời điểm hiện tại đã giảm mạnh xuống, phổ biến ở mức 7 – 9%/ năm.

Trong nửa đầu năm 2017, do thận trọng với tình hình lạm phát, NHNN đã giảm mức độ nới lỏng cung tiền bằng cách không đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán M2 (chỉ tăng 5,69% trong 6 tháng đầu năm). Tuy nhiên, trong hai quý cuối năm, khi diễn biến lạm phát đã cho dấu hiệu hạ nhiệt, cung tiền M2 đã được đẩy ra với tốc độ nhanh hơn (tăng 16% cho cả năm 2017, tương đương với mức tăng gần 10% trong hai quý cuối năm). Điều này giúp cho thanh khoản hệ thống ngân hàng ở trạng thái khá dồi dào, thể hiện qua đà sụt giảm mạnh của lãi suất liên ngân hàng, phổ biến chỉ còn khoảng 1,2 - 1,5%/năm cho các kỳ hạn qua đêm, một tuần và hai tuần. Trong năm 2017, mặt bằng lãi suất cho vay cũng chủ yếu đi ngang hoặc giảm nhẹ tại một số lĩnh vực chọn lọc. Lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến khoảng 6 - 9%/năm, trung và dài hạn từ 9 - 11%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Tăng trưởng tín dụng 2018 đạt khoảng 14% giảm nhẹ so với 2017, huy động vốn ước tính đạt khoảng 16% tương đương năm 2017. Lãi suất huy động & cho vay bắt đầu có xu hướng tăng vào hai tuần cuối năm, thanh khoản liên ngân hàng đã bớt dồi dào. Áp lực lãi suất tác động khá mạnh lên hệ thống ngân hàng năm 2018 do thông tin FED nâng lãi suất và tình trạng căng thẳng chiến tranh thương mại tiếp tục leo thang đến gần cuối năm. Thanh khoản ngân hàng đã bớt dồi dào và chịu áp lực lớn từ đà tăng trưởng của tỷ giá trong năm 2018.

Tăng trưởng tín dụng được ước tính đạt 14% vào năm 2019. Cụ thể, năm 2018, tăng trưởng tín dụng đạt khoảng 14%, ước tính tốc độ tăng trưởng tín dụng vẫn ổn định tại ngưỡng này trong năm sau khi thanh khoản hệ thống ngân hàng chịu sức ép từ đà tăng của tỷ giá và Chính phủ vẫn sử dụng các biện pháp tài khóa thích hợp nhằm duy trì chính sách kinh tế khuếch trương.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay từ ngân hàng. Vì vậy bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Việc trần lãi suất liên tục được điều chỉnh giảm được xem như một tiền đề thuận lợi cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty vẫn luôn chú trọng quản trị rủi ro lãi suất và chủ động hạn chế rủi ro này ở mức thấp nhất.

2. Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chông chéo nhau, gây lên không ít khó khăn cho cả cơ quan hữu quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện.

Hoạt động của Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng đặc thù của Công ty. Đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng có rất nhiều quy định, quy trình an toàn nghiêm ngặt do vậy những thay đổi về môi trường pháp luật sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Để hạn chế rủi ro này, bộ phận pháp chế của Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp luật, chính sách mới, sau đó phổ biến và đào tạo cho đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên để từ đó xây dựng kế hoạch, quy trình triển khai dịch vụ tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về thời tiết

Điều kiện thiên nhiên là nhân tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong. Sản lượng và hiệu quả của các nhà máy thủy điện của Công ty sẽ phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước.

Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

Theo thống kê, nguồn điện Việt Nam phụ thuộc lớn vào các loại hình năng lượng truyền thống (nhiệt điện than, điện khí, thủy điện) chiếm tới 90% cơ cấu nguồn điện cả nước. Tính đến cuối năm 2016, thủy điện, nhiệt điện than, nhiệt điện khí vẫn đang là 3 nguồn cung lớn nhất cả nước với tỉ trọng lần lượt là 38%, 34% và 18%. Do phụ thuộc khá nhiều vào thủy điện, nguồn cung điện cả nước có tính mùa vụ, tác động lớn đến sản lượng điện cả nước.

Năm 2017, điều kiện thủy văn thuận lợi tạo điều kiện tốt cho kết quả kinh doanh của các công ty thủy điện sau khi bị ảnh hưởng bởi El Nino năm 2015 – 2016. Trong năm 2018, do ảnh hưởng của La Nina gây mưa nhiều, các hồ thủy điện (đặc biệt là ở miền Bắc) đều phải xả lũ, tổng sản lượng thủy điện ngành ở mức khá cao. Giá bán điện bình quân đã có chiều hướng tăng trở lại sau khi La Nina kết thúc.

Với việc hiện tượng El Nino dự kiến sẽ quay trở lại trong năm 2019 với xác suất cao, do đó nhóm các doanh nghiệp nhiệt điện sẽ có kết quả kinh doanh cải thiện trong năm 2019 nhờ (1) sản lượng huy động được cải thiện; (2) giá bán điện được dự báo sẽ tiếp tục tăng; (3) Vay nợ tiếp tục giảm. Nắm bắt được tình hình này, Công ty đang nỗ lực tăng cường hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc thúc đẩy các hoạt động đầu tư, các dự án truyền tải và trạm biến áp.



3.2. Rủi ro về nguồn năng lượng thay thế

Hiện nay lượng cung cấp điện chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng. Các nhà máy sản xuất điện vẫn chủ yếu áp dụng công nghệ nhiệt điện và thủy điện, gây ảnh hưởng lớn đến môi trường. Do đó yêu cầu về các nguồn năng lượng thay thế như phong điện hoặc điện mặt trời đang ngày càng bức thiết. Tuy nhiên do giá thành sản xuất còn cao nên các nguồn năng lượng mới này chưa đe dọa nhiều đến sự tồn tại với các nhà máy sản xuất thủy điện.

3.3. Rủi ro việc độc quyền phân phối điện

Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) có vị thế độc quyền hoàn toàn trong ngành điện với chức năng sản xuất, truyền tải và phân phối điện trên cả nước. Giá bán điện hiện nay do Công ty tự đàm phán và dựa trên giá thực tế của thị trường (là giá bán dưới sự điều tiết của EVN và Bộ Công thương). Trong trường hợp giá cả trên thị trường không tốt sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu của Công ty. Quyết định thay đổi khung giá từ EVN cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất và doanh thu của công ty.

Kể từ năm 2019 thị trường điện Việt Nam sẽ chuẩn bị để chuyển sang giai đoạn thị trường bán buôn điện cạnh tranh. Hiện tại, thị trường điện đang nằm trong giai đoạn 1-thị trường phát điện cạnh tranh. Thị trường bán buôn điện cạnh tranh sẽ có một số đổi mới như sau:

Đặc điểm	Thị trường phát điện cạnh tranh	Thị trường bán buôn điện cạnh tranh
Đơn vị mua bán điện	Đơn vị duy nhất mua điện từ các nhà máy là Công ty mua bán điện.	Các Tổng công ty Điện lực sẽ mua điện từ các nhà máy thay thế cho công ty mua bán điện.
Cơ chế mua bán điện hợp đồng	Ký kết hợp đồng mua bán điện với duy nhất Công ty mua bán điện.	Các nhà máy có thể ký kết hợp đồng với các Tổng công ty Điện lực.

Nhờ vào cơ chế mua bán điện mới, các doanh nghiệp sản xuất điện nói chung và Công ty Thủy điện Nước Trong nói riêng sẽ có nhiều sự lựa chọn trong việc điều chỉnh giá điện theo cơ chế thị trường thông qua việc chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ động đàm phán và ký kết hợp đồng mua bán điện với các đơn vị ngoài EVN.



4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình thời tiết, lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu; thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty và của khách hàng.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Ông Nguyễn Đình Xuân	- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Ông Ngô Trung Dũng	- Chức vụ: Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Bà Huỳnh Thị Kim Cúc	- Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Ông Nguyễn Hiếu	- Chức vụ: Tổng giám đốc
-----------------	--------------------------

(Nghị quyết HĐQT số 04/2017/NQ-HĐQT ngày 23/03/2017 của HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt về việc ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM

TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM

DIỄN GIẢI

Bản cáo bạch	Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính
Công ty, Tổ chức niêm yết	Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BGD	Ban Giám đốc
CTCP	Công ty cổ phần
BCTC	Báo cáo tài chính
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VĐL	Vốn điều lệ
DTT	Doanh thu thuần
GVHB	Giá vốn hàng bán
LNST	Lợi nhuận sau thuế



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**
Tên tiếng Anh: **NUOC TRONG HYDRO - POWER JOINT STOCK COMPANY**
Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

Logo:



Ngày trở thành CTĐC: Ngày 05/01/2019 theo Công văn chấp thuận đại chúng số 124/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Đình Xuân – Chủ tịch HĐQT, Giám đốc

Trụ sở chính: Lô B5 – Khu IVB1 Nam Sông Trà Khúc, Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Số điện thoại: (0255) 3819662

Số fax: (0255) 3819598

Website: www.thuydiennuoctrong.com.vn

Vốn điều lệ đăng ký: 108.020.530.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 108.020.530.000 đồng

Giấy CN ĐKKD số: 4300322171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/02/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 29/03/2018.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Giấy CN ĐKKD:

- + Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, kinh doanh mua và bán điện;
- + Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi, xây lắp công trình điện và trạm biến áp có cấp điện áp 35 Kv;
- + Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình đường bộ;



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

- + Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp;
- + Xây dựng nhà các loại;
- + Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- + Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, địa ốc và bất động sản;
- + Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- + Buôn bán kim loại và quặng kim loại: Buôn bán sắt, thép;
- + Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- + Đại lý du lịch;
- + Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê các loại thiết bị cơ giới;
- + Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- + Điều hành tua du lịch.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong tiền thân là Công ty Cổ phần Nước Trong được thành lập ngày 11 tháng 02 năm 2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp với vốn điều lệ đăng ký là 9 tỷ đồng, nhằm mục đích đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Nước Trong tại Xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi. Tại thời điểm thành lập, cơ cấu cổ đông sáng lập của Công ty gồm 07 cổ đông là cá nhân trong nước đăng ký góp toàn bộ số vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty là 9 tỷ đồng.

2004 - 2011

Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 18/01/2006.

Hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào tiến độ xây dựng Hồ chứa nước Nước Trong, do đó đến năm 2008, dự án Nhà máy Thủy điện Nước trong mới bắt đầu triển khai xây dựng.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Đến tháng 10/2012, Nhà máy đã hoàn thành công đoạn xây dựng, lắp đặt thiết bị và đưa vào vận hành phát điện lên lưới. Tuy nhiên, do tiến độ xây dựng Hồ chứa nước Nước Trong vẫn chưa hoàn thành (đạt cao trình 104,5m so với cao trình đỉnh đập là 132m) nên Nhà máy chỉ phát được 50% công suất thiết kế.

2012 - 2017

Đến cuối năm 2016, công trình Hồ chứa nước Nước Trong hoàn thành đạt cao trình 132m, tích nước đến cao trình mực nước dâng bình thường 129,5m, do đó Nhà máy Thủy điện Nước Trong mới chính thức phát điện đủ 100% công suất thiết kế.

Năm 2017, hoạt động kinh doanh của Công ty đã đi vào ổn định với số lượng nhân viên là 27 người và mức lương trung bình là 12 triệu đồng/người/tháng. Ngoài ra, đây là năm đầu tiên Công ty bắt đầu chia cổ tức cho Cổ đông với mức cổ tức bằng cổ phiếu là 14% và mức cổ tức bằng tiền là 25%.

2018 - nay

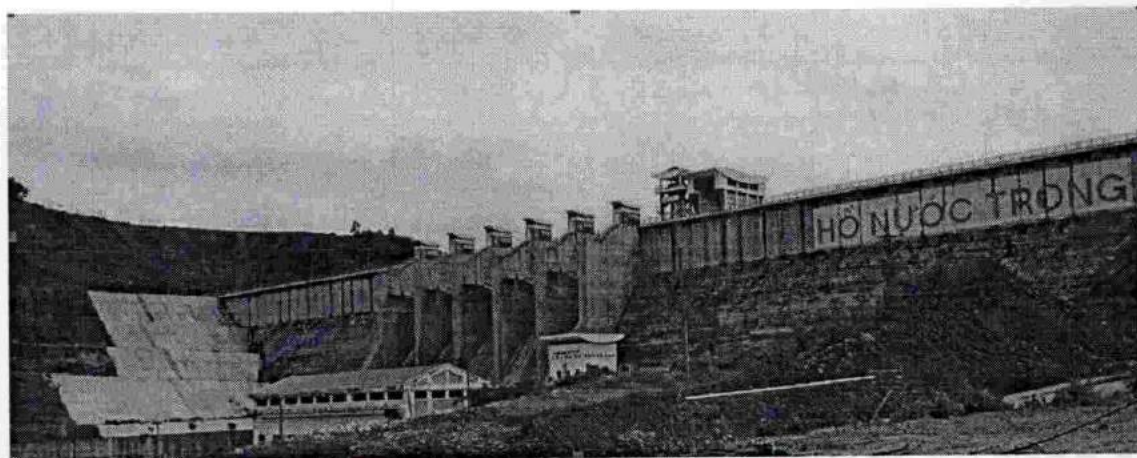
Trong năm 2018, trên cơ sở nhu cầu chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông, Công ty đã chính thức có trên 100 cổ đông và đủ điều kiện trở thành công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán. Theo đó, Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Công văn chấp thuận đại chúng số 124/UBCK-GSDC ngày 05/01/2019.

Đến ngày 23/01/2019, Công ty đã hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) với mã chứng khoán là NTH và được VSD cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu số 04/2019/GCNCP-VSD, số lượng chứng khoán đăng ký là 10.802.053 cổ phiếu.

Hình ảnh về Nhà máy Thủy điện Nước Trong



Hình ảnh về Đập thủy điện Nước Trong



Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong



1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Năm đăng ký thay đổi VĐL	Vốn điều lệ đăng ký		Hình thức phát hành	Thời gian góp đủ VĐL đăng ký	Cơ sở pháp lý
	Tăng thêm (đồng)	Sau khi tăng (đồng)			
2004	Vốn điều lệ đăng ký tại thời điểm thành lập: 9.000.000.000 đồng.			Từ 02/02/2004 đến 12/01/2010	Biên bản ĐHĐCĐ ngày 06/02/2004; Giấy ĐKKD lần đầu ngày 11/02/2004.
2007	36.000.000.000	45.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đồng hiện hữu theo tỷ lệ 1:4	Từ 12/01/2010 đến 19/02/2013	Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 02/11/2007; Giấy phép ĐKKD thay đổi lần 03 ngày 06/12/2007.
2009	28.000.000.000	73.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đồng hiện hữu theo tỷ lệ 1:0,622	Từ 19/02/2013 đến 19/08/2014	Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 17/03/2009; Giấy phép ĐKKD thay đổi lần 05 ngày 01/04/2009;
2018	21.740.794.093	108.020.530.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đồng hiện hữu theo tỷ lệ 1:0,298	Từ 19/08/2014 đến 14/12/2016	Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 12/07/2014; Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 22/07/2017; Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 28/03/2018; Giấy phép ĐKKD thay đổi lần 09 ngày 29/03/2018.
	13.279.735.907		Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu theo tỷ lệ 1:0,14	Từ 22/07/2017 đến 31/12/2017	

Nguồn: CTCP Thủy điện Nước Trong.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Công ty cổ phần Thủy điện Nước Trong được thành lập ngày 11/02/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp trên cơ sở vốn điều lệ đăng ký là 9 tỷ đồng.

Nhằm mục đích đối ứng vốn cho dự án đầu tư nhà máy sản xuất điện của Công ty, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lần lượt từ 9 tỷ đồng lên 45 tỷ đồng (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 02/11/2007) và từ 45 tỷ đồng lên 73 tỷ đồng (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 17/03/2009).

Ngay sau khi có các quyết định về tăng vốn điều lệ (Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 02/11/2007 và Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 17/03/2009), Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký thay đổi vốn điều lệ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi và được cấp Giấy phép ĐKKD thay đổi lần 03 ngày 06/12/2007 về việc tăng vốn điều lệ lên 45 tỷ đồng và Giấy phép ĐKKD thay đổi lần 05 ngày 01/04/2009 về việc tăng vốn điều lệ lên 73 tỷ đồng.

Đến ngày 31/12/2013, vốn thực góp của Công ty đạt 50.497.178.873 đồng. Để hoàn tất tăng vốn thực góp lên 73 tỷ đồng, đồng thời thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn trong giai đoạn tiếp theo, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông vào ngày 12/07/2014 và thông qua các nội dung sau:

- (1) Cổ đông hoàn tất góp vốn bằng tiền trị giá 22.502.821.127 đồng để tăng vốn thực góp lên 73.000.000.000 đồng đúng theo quy mô vốn điều lệ đã đăng ký theo Giấy phép ĐKKD thay đổi lần 05 ngày 01/04/2009.
- (2) Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 73 tỷ đồng lên 108 tỷ đồng, trong đó:
 - Cổ đông góp vốn bằng tiền với tổng giá trị dự kiến: 21,7 tỷ đồng.
 - Dự kiến lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2017 sau khi bù lỗ lũy kế sẽ được dùng để trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông với tổng giá trị dự kiến: 13,3 tỷ đồng.

Đến ngày 19/8/2014 các cổ đông của Công ty đã hoàn tất góp vốn để tăng vốn điều lệ lên 73 tỷ đồng và tiếp tục hoàn tất góp vốn thêm 21.740.794.093 đồng đến ngày 14/12/2016 (vốn thực góp tại thời điểm 31/12/2016 theo BCTC kiểm toán năm 2017 là 94.740.794.093 đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Căn cứ lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt 21.854.519.589 đồng và kết quả kinh doanh tích cực trong 06 tháng đầu năm 2017, ĐHĐCĐ thường niên ngày 22/07/2017 của Công ty đã thông qua việc trích 13.279.735.907 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi bù lỗ lũy kế để phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông theo chủ trương đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 12/07/2014.

Căn cứ BCTC kiểm toán năm 2017, đến thời điểm 31/12/2017, Công ty đã hoàn tất kết chuyển 13.279.735.907 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để tăng vốn điều lệ lên 108.020.530.000 đồng. Trên cơ sở đó, ĐHĐCĐ ngày 28/03/2018 đã thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 73.000.000.000 đồng lên 108.020.530.000 đồng để thực hiện đăng ký thay đổi Giấy phép ĐKKD. Đến ngày 29/03/2018, Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Ngãi chính thức cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 theo vốn điều lệ 108.020.530.000 đồng cho Công ty.

Liên quan đến các đợt góp vốn bằng tiền để tăng vốn điều lệ của Công ty, để đảm bảo quyền lợi của cổ đông, việc thực hiện góp vốn phụ thuộc vào tiến độ giải ngân để đầu tư dự án thủy điện nên thời gian thanh toán tiền mua cổ phần của cổ đông chưa đảm bảo về thời gian theo quy định. Do đó, ngày 30/10/2018, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 27/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính. Trên cơ sở đó, Công ty đã chấp hành quyết định xử phạt và nộp phạt theo đúng quy định.

Chi tiết các đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

- **Đợt 1: Tăng vốn từ 9.000.000.000 đồng lên 45.000.000.000 đồng:**
 - Vốn điều lệ trước khi phát hành: 9.000.000.000 đồng.
 - Vốn điều lệ sau khi phát hành: 45.000.000.000 đồng.
 - Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ.
 - Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không có.
 - Số lượng cổ đông tham gia: 69 cổ đông.
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - Ngày hoàn thành đợt chào bán: Ngày 19/02/2013.
 - Số lượng phát hành: 3.600.000 cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

- **Đợt 2: Tăng vốn từ 45.000.000.000 đồng lên 73.000.000.000 đồng:**
 - Vốn điều lệ trước khi phát hành: 45.000.000.000 đồng.
 - Vốn điều lệ sau khi phát hành: 73.000.000.000 đồng.
 - Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ.
 - Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không có.
 - Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu.
 - Số lượng cổ đông tham gia: 29 cổ đông.
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - Ngày hoàn thành đợt chào bán: Ngày 19/08/2014.
 - Số lượng phát hành: 2.800.000 cổ phiếu.

- **Đợt 3: Tăng vốn từ 73.000.000.000 đồng lên 108.020.530.000 đồng:**
 - Vốn điều lệ trước khi phát hành: 73.000.000.000 đồng.
 - Vốn điều lệ sau khi phát hành: 108.020.530.000 đồng.
 - Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ và trả cổ tức bằng cổ phiếu.
 - Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không có.
 - Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu.
 - Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:
 - + Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 12/07/2014.
 - + Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 22/07/2017.

- ❖ **Phát hành cho cổ đông hiện hữu**
 - Số lượng cổ đông tham gia: 26 cổ đông.
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - Ngày hoàn thành đợt chào bán: Ngày 14/12/2016.
 - Số lượng phát hành: 2.174.079 cổ phiếu.

- ❖ **Trả cổ tức bằng cổ phiếu**
 - Ngày hoàn thành đợt phát hành: 31/12/2017.
 - Số lượng phát hành: 1.327.974 cổ phiếu.
 - Nguồn phát hành: Lợi nhuận sau thuế năm 2017.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

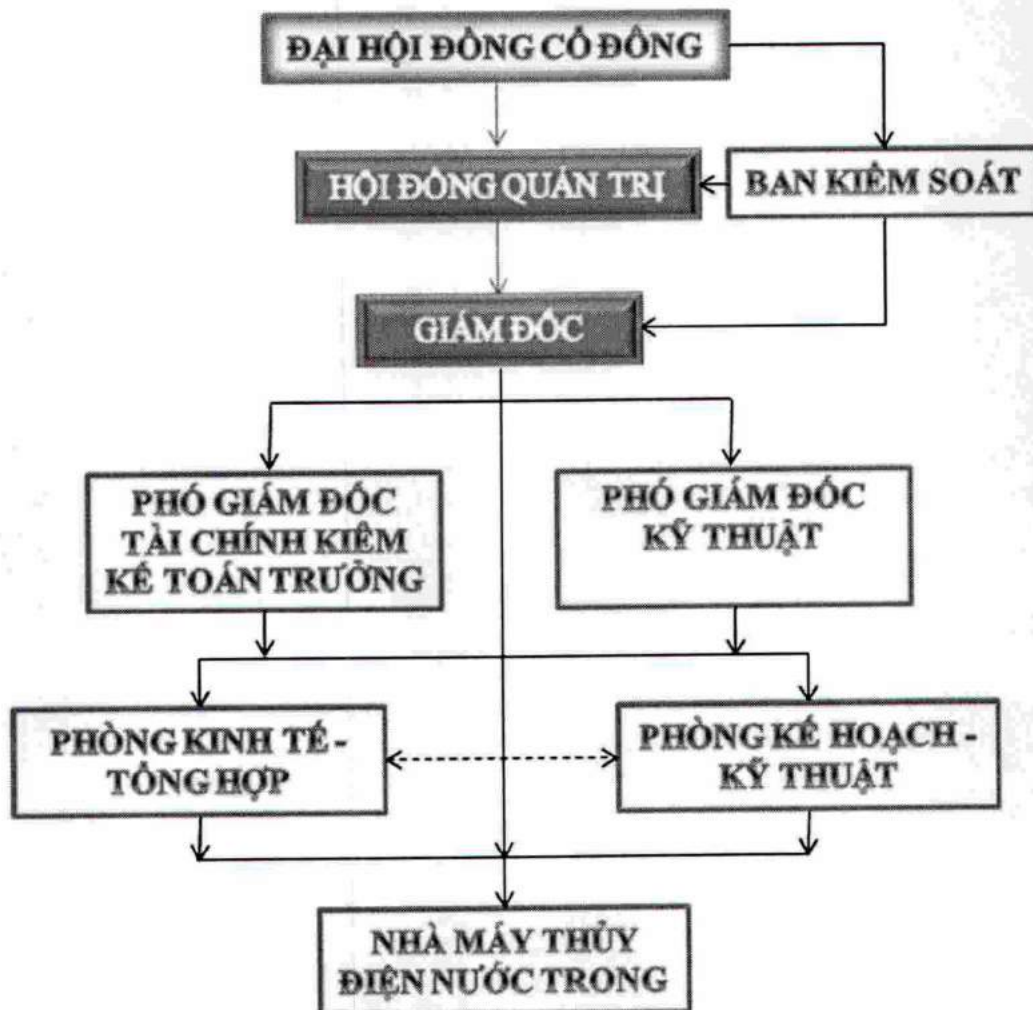
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26/11/2014 và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

- ✚ Trụ sở công ty: Lô B5 – Khu IVB1 Nam Sông Trà Khúc, Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- ✚ Nhà máy Thủy điện Nước Trong: Xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: CTCP Thủy điện Nước Trong.

Bộ máy quản lý của Công ty nhanh nhạy trong tổ chức, chặt chẽ trong quản lý, giám sát, các bộ phận có sự phối hợp nhịp nhàng cùng nhau xây dựng doanh nghiệp phát triển vững mạnh.



3.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định cơ cấu tổ chức, giải thể, phá sản Công ty, quyết định các kế hoạch đầu tư dài hạn và chiến lược phát triển, cơ cấu vốn, bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty trong nhiệm kỳ, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

3.4. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- **Giám Đốc:** Điều hành hoạt động của Công ty tuân thủ theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, theo Ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Luật doanh nghiệp.
- **Các Phó Giám Đốc:** là người giúp việc cho Giám đốc công ty, được Giám đốc ủy quyền hoặc chịu trách nhiệm trong một số lĩnh vực quản lý chuyên môn và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về những nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
- **Kế toán trưởng:** là người tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính của công ty, giúp Giám đốc công ty giám sát tài chính tại công ty theo pháp lệnh về tài chính, kế toán, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

3.5. Phòng Kinh tế - Tổng hợp

Phòng Kinh tế - Tổng hợp có chức năng quản lý về công tác tổ chức, lao động, tiền lương, thống kê, hành chính, văn phòng,... Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về công tác được phân công.



3.6. Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật

Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật có chức năng quản lý về công tác kỹ thuật, công nghệ, đầu tư, xây dựng cơ bản, thiết bị, sản xuất. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về công tác được phân công.

3.7. Nhà máy Thủy điện Nước Trong

Nhà máy Thủy điện Nước Trong chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác sản xuất, quản lý tài sản, vận hành, sửa chữa, hệ thống thiết bị công nghệ tại nhà máy thủy điện, đảm bảo sản xuất an toàn hiệu quả theo đúng phương thức và quy trình quy phạm và quy định của công ty.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ nắm giữ cổ phần; Cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Tại thời điểm 05/04/2019, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số CMND	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ %/SLCP đang lưu hành
1	Nguyễn Đình Xuân	020289190	29 Thảo Điền - P.Thảo Điền - Quận 2 - Tp.HCM	610.161	5,65%
2	Nguyễn Văn Cao	023137403	(Số 3-D8) 92 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Q.Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	1.378.715	12,76%
3	Đình Vạn Tiến	022104880	Đ8-14 Saigon Pearl, 92 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	860.046	7,96%
4	Đình Thị Hiền	281147160	Phường Tân Đông Hiệp – Thị xã Dĩ An – tỉnh Bình Dương	664.413	6,15%
5	Bùi Thị Sâm	210100128	57B Nguyễn Tự Tân, Phường Trần Hưng Đạo, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	708.127	6,56%
6	Trần Minh Hòa	212055919	09 Trần Quang Diệu, P.Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	562.029	5,20%
@	TỔNG CỘNG			4.783.491	44,28%

Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Thủy điện Nước Trong tại ngày 05/04/2019



4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty được thành lập vào ngày 11/02/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300322171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp. Theo quy định tại Luật doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay, toàn bộ số cổ phần do các cổ đông sáng lập nắm giữ không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

4.3. Cơ cấu cổ đông Công ty

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 05/04/2019 như sau:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	10.802.053	100%
	- Tổ chức (0 cổ đông)	-	-
	- Cá nhân (108 cổ đông)	10.802.053	100%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-
	- Tổ chức (0 cổ đông)	-	-
	- Cá nhân (0 cổ đông)	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-
	Tổng cộng	10.802.053	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Thủy điện Nước Trong tại ngày 05/04/2019

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm, dịch vụ của Công ty

❖ **Thông tin chung về hoạt động kinh doanh của Công ty**

Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong được thành lập nhằm mục đích đầu tư, quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Nước Trong. Theo đó, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh mua bán điện.

Căn cứ quy định pháp luật hiện nay, Nhà nước độc quyền trong lĩnh vực truyền tải và phân phối điện. Do đó, toàn bộ sản lượng điện sản xuất của Nhà máy được Công ty xuất bán cho Tổng Công ty Điện lực Miền Trung theo Hợp đồng số 8/2011 NUOC TRONG/EVN CPC-NTC ngày 11/08/2011 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 30/09/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Như vậy, doanh thu hằng năm của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào sản lượng điện xuất bán và giá bán điện do Cục Điều tiết điện lực – Bộ Công thương quy định.

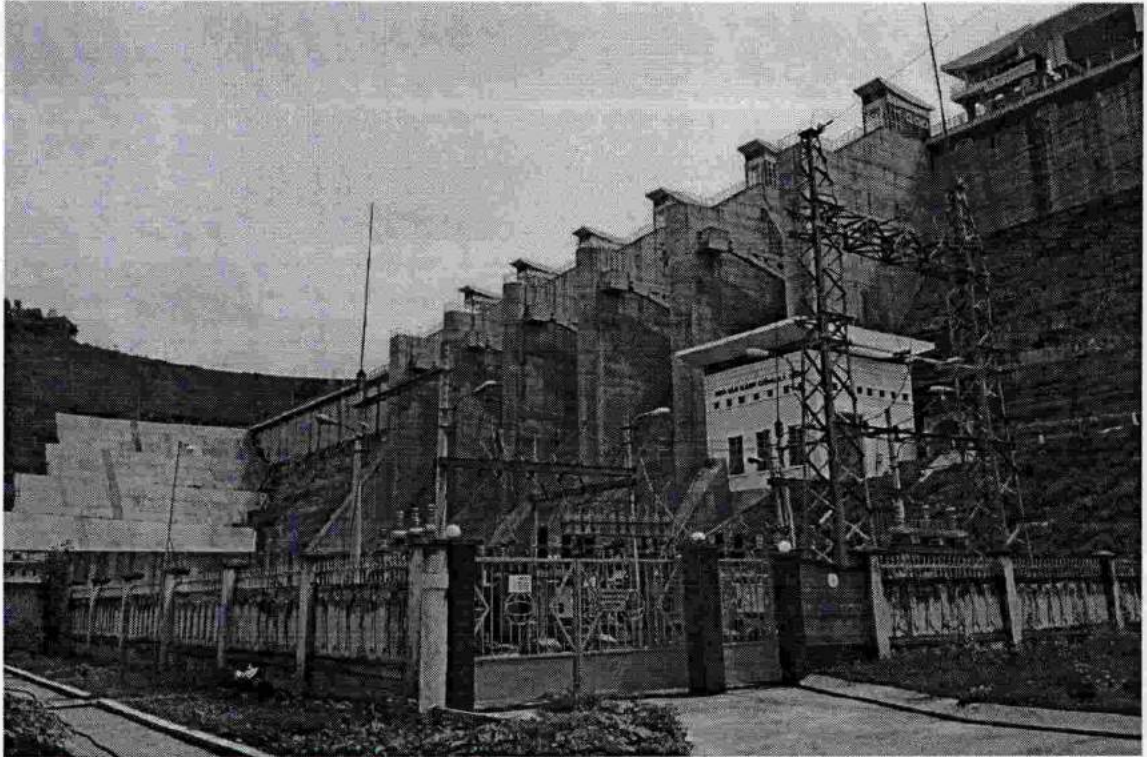
❖ Thông tin chung về Nhà máy Thủy điện Nước Trong

Về vị trí địa lý, Nhà máy Thủy điện Nước Trong nằm trên địa bàn xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà, cách thành phố Quảng Ngãi khoảng 70 km về phía tây. Nhà máy có tổng công suất lắp đặt 16,5 MW, tổng vốn tổng giá trị đầu tư đã được kiểm toán là 405,69 tỷ đồng. Công trình Nhà máy Thủy điện Nước Trong cùng với dự án Cụm công trình đầu mối hồ chứa nước Nước Trong khi đưa vào vận hành ngoài việc bổ sung cho lưới điện quốc gia khoảng 70 triệu kWh/năm còn có các nhiệm vụ quan trọng khác như: Ổn định (khoảng 75%) nước tưới cho hơn 52 ngàn hecta đất nông nghiệp thuộc hệ thống thủy lợi Thạch Nham vào các tháng mùa khô; tạo nguồn cấp nước công nghiệp sinh hoạt cho khu kinh tế Dung Quất, thành phố Vạn Tường, thành phố Quảng Ngãi và 7 huyện đồng bằng tỉnh Quảng Ngãi; cấp nước chăn nuôi, phục vụ nuôi trồng thủy sản và giảm ngập lụt vùng hạ lưu.

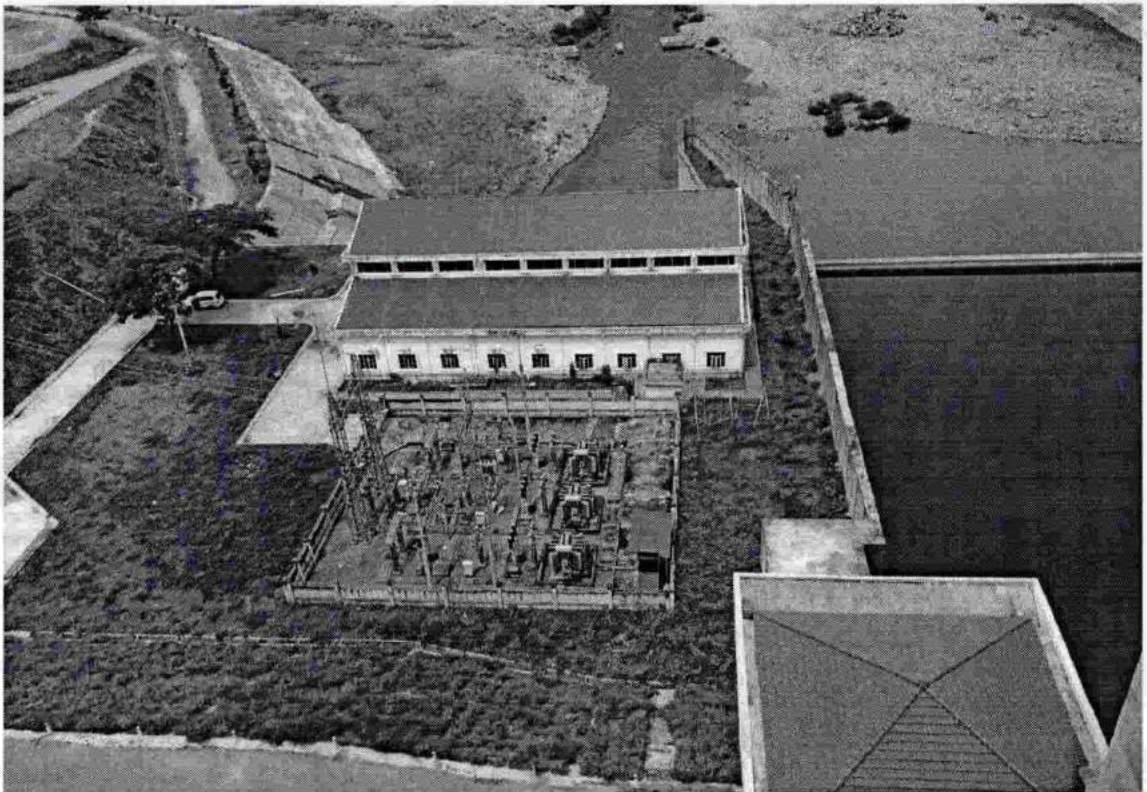
Hình ảnh về Nhà máy Thủy điện Nước Trong



Hình ảnh về Trạm phát điện của Nhà máy



Hình ảnh về Nhà máy và Trạm phát điện



Nguồn: CTCP Thủy điện Nước Trong



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

❖ Thông tin chi tiết về Nhà máy Thủy điện Nước Trong

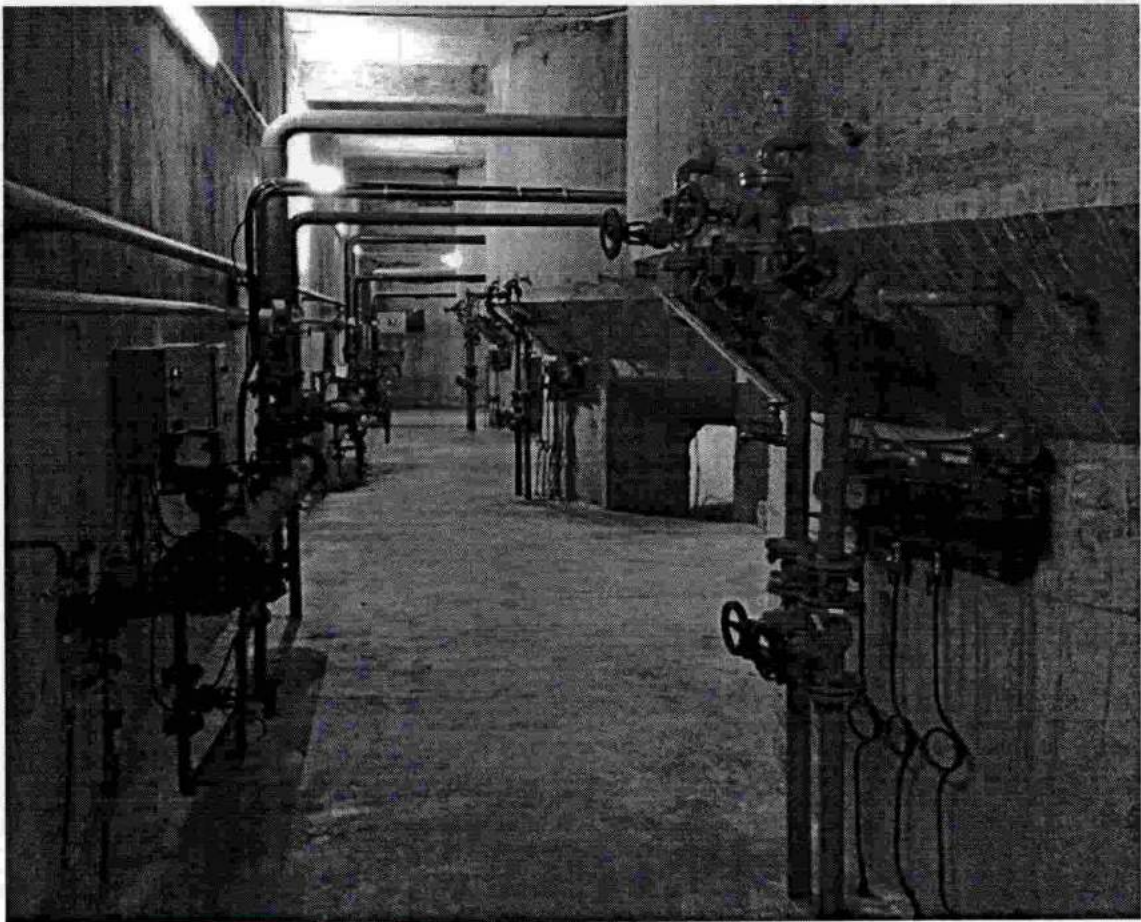
- Tên dự án: Nhà máy Thủy điện Nước Trong
- Địa điểm xây dựng: Xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Thủy điện Nước Trong.
- Đơn vị lập dự án: Công ty Tư vấn xây dựng Thủy lợi I (nay là Công ty Tư vấn xây dựng Thủy lợi Việt Nam) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Đơn vị thẩm tra: Công ty cổ phần Tư vấn và phát triển kỹ thuật Tài nguyên nước.
- Văn bản pháp lý:
 - + Văn bản số 1612/CP-NN ngày 19/11/2003 của Chính phủ về việc báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Hồ chứa nước Nước Trong;
 - + Văn bản số 4355CV/EVN-KH ngày 03/09/2003 của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam về việc đầu tư phát triển dự án Thủy điện Nước Trong;
 - + Quyết định số 24/QĐ-UB ngày 29/01/2004 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt chủ đầu tư thực hiện Hợp phần thủy điện sau đập dự án Hồ chứa nước Nước Trong;
 - + Quyết định số 3492/QĐ-CT ngày 31/12/2004 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt dự án đầu tư Hợp phần di dân, tái định canh, định cư Hồ chứa nước Nước Trong;
 - + Quyết định số 371/QĐ-CT ngày 28/02/2005 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;
 - + Văn bản số 1124/TTg-NN ngày 11/08/2005 của Thủ tướng Chính phủ v/v đầu tư dự án Hồ chứa nước Nước Trong;
 - + Quyết định số 3454/QĐ-BCN ngày 18/10/2005 của Bộ Công nghiệp phê duyệt quy hoạch thủy điện nhỏ trên toàn quốc;
 - + Văn bản số 453/CV-ĐLQN-P4 ngày 21/02/2006 của Công ty Điện lực Quảng Ngãi v/v đấu nối Nhà máy Thủy điện Nước Trong vào lưới điện tỉnh Quảng Ngãi;
 - + Văn bản số 3240/BNN-XD ngày 04/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn v/v đầu tư Hợp phần thủy điện thuộc dự án Hồ chứa nước Nước Trong;
 - + Văn bản số 2091/BTC-ĐT ngày 06/02/2007 của Bộ Tài chính về cơ chế đóng góp vốn của Hợp phần thủy điện Nước Trong;
 - + Văn bản số 949/UBND-CNXD ngày 13/02/2007 v/v mức đóng góp vào ngân sách và việc đầu tư xây dựng Hợp phần thủy điện Nước Trong;
 - + Văn bản số 2625/CV-ĐL3-4+15 ngày 29/05/2007 v/v đấu nối Nhà máy thủy điện Nước Trong vào lưới điện phân phối khu vực;



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

- + Văn bản số 2894/UBND-CNXD ngày 29/07/2007 của UBND tỉnh Quảng Ngãi v/v v/v thỏa thuận dự án thủy điện Nước Trong;
- + Quyết định số 34/2007/QĐ-HĐQT ngày 10/06/2007 của CTCP Thủy điện Nước Trong v/v phê duyệt dự án đầu tư; và các Quyết định số 04/2008/QĐ-HĐQT ngày 01/10/2008, Quyết định số 02/2012/QĐ-HĐQT ngày 13/01/2012, Quyết định số 06/2017/QĐ-HĐQT ngày 03/05/2017 v/v điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư;
- + Giấy chứng nhận đầu tư số 34121000020 ngày 30/01/2008 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.
- Quy mô đầu tư, công suất và các thông số kỹ thuật chủ yếu:
 - + Cấp công trình: cấp II
 - + Chế độ điều tiết: nhiều năm
 - + Diện tích lưu vực: 460 km²
 - + Mức nước dâng bình thường (MNDBT): 129,5 m
 - + Mức nước chết: 96 m
 - + Dung tích toàn bộ: 289,5 triệu m³
 - + Dung tích hữu ích: 258,7 triệu m³
 - + Dung tích chết: 30,8 triệu m³
 - + Diện tích mặt hồ tương ứng với MNDBT: 1.166 ha
 - + Lưu lượng bình quân nhiều năm: 34,40 m³/s
 - + Tổng lượng dòng chảy bình quân năm: 1.085 triệu m³
 - + Kiểu nhà máy: Sau đập
 - + Số tổ máy: 3 tổ
 - + Công suất lắp máy: 16.500 kW
 - + Sản lượng điện bình quân hàng năm: 69,203 triệu kWh
 - + Công suất định mức: 5.500 kW

Hình ảnh về các tổ máy phát điện của Nhà máy



Nguồn: CTCP Thủy điện Nước Trong



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

❖ **Tổng chi phí đầu tư dự án:**

Đơn vị tính: Đồng.

Stt	Khoản mục	Dự toán được duyệt	Giá trị kiểm toán		
			Trước thuế	Thuế VAT	Sau thuế
1	Chi phí xây dựng	70.227.080.548	62.629.794.683	6.256.086.078	68.885.880.761
2	Chi phí thiết bị	250.684.972.794	228.599.938.935	22.599.938.935	250.684.972.794
3	Chi phí QL dự án	6.734.932.378	6.734.932.378	0	6.734.932.378
4	Chi phí tư vấn	9.783.897.601	9.114.248.983	669.648.618	9.783.897.601
5	Chi phí khác	65.634.398.045	65.481.610.055	202.787.990	65.684.398.045
6	Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	3.913.682.187	3.913.682.187	0	3.913.682.187
@	Tổng cộng	406.978.963.553	375.959.302.146	29.728.461.621	405.687.763.766

Nguồn: Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án Thủy điện Nước Trong

6.2. Cơ cấu doanh thu thuần và Lợi nhuận gộp các mảng hoạt động qua các năm

❖ **Cơ cấu doanh thu:**

Khoản mục	ĐVT	Năm 2017		Năm 2018		Q1.2019	
		Giá trị	% +/- 2016	Giá trị	% +/- 2017	Giá trị	% +/- Q1.2018
Sản lượng điện thương phẩm	triệu kWh	109,10	80,06	66,35	(39,18)	26,14	4,02
Doanh thu bán điện	Ngàn đồng	117.364.717	55,57	88.915.484	(24,24)	36.733.597	5,33

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, năm 2018 và BCTC quý 1 năm 2019 của NTH

❖ **Cơ cấu lợi nhuận gộp:**

Khoản mục	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018		Q1.2019	
		Giá trị	Giá trị	% +/- 2017	Giá trị	% +/- Q1.2018
Lợi nhuận gộp	Ngàn đồng	75.795.971	45.835.937	(39,53)	24.224.287	4,87
Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu	%	64,58	51,55	-	65,95	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, năm 2018 và BCTC quý 1 năm 2019 của NTH



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Năm 2016, chịu sự ảnh hưởng của thiên nhiên, hiện tượng Elnino xuất hiện gây ra hạn hán và nhiệt độ tăng cao khiến các hồ thủy điện khô cạn là lý do khiến hoạt động sản xuất điện trong năm của Công ty gặp nhiều khó khăn. Cuối năm 2016, đầu năm 2017 xuất hiện hiện tượng Lanina khiến lượng mưa gia tăng, các doanh nghiệp thủy điện tại Nam Trung Bộ được hưởng lợi nhiều nhất trong đó có Thủy điện Nước Trong, đó là lý do năm 2017 nhà máy đã phát được 109,1 triệu kWh điện thương phẩm, nâng tổng doanh thu tăng 55,57% so với năm 2016 (từ 75,493 tỷ đồng doanh thu năm 2016 lên 117,364 tỷ đồng năm 2017). Trong giai đoạn 2016-2017, biên lợi nhuận gộp của doanh nghiệp luôn đạt được tỷ trọng cao trong tổng doanh thu với giá trị trên 60%; cùng với sự tăng trưởng của doanh thu thuần năm 2017, lợi nhuận gộp trong năm của Công ty cũng đạt được sự tăng trưởng đáng kể khoảng 64%, đánh dấu sự tăng trưởng vượt bậc của Công ty của về doanh thu lẫn lợi nhuận.

Sang năm 2018, chịu tác động từ điều kiện thời tiết khí hậu (nắng nhiều và mưa ít) khiến cho lượng nước trong hồ luôn ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm, không thuận lợi cho các Nhà máy thủy điện Miền Trung cũng như Nhà máy thủy điện Nước Trong trong việc phát điện nên các chỉ tiêu đạt được giảm nhiều so với năm 2017.

Kết quả kinh doanh 3 tháng đầu năm 2019 ghi nhận sự tăng nhẹ trong lợi nhuận gộp của Công ty, theo đó giá trị lợi nhuận gộp đạt khoảng 24,2 tỷ chiếm 65,95% doanh thu, tăng 4,87% so với cùng kỳ năm trước.

6.3. Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu chính phục vụ cho công tác sản xuất của Nhà máy Thủy điện Nước Trong là tài nguyên nước tự nhiên. Vì vậy, doanh thu và lợi nhuận hoạt động của công ty không chịu tác động từ giá cả nguồn nguyên liệu đầu vào hay nguồn cung của nhà cung cấp. Tuy nhiên, do nguồn cung chủ yếu là nước nên điều kiện thời tiết, lưu lượng và sự ổn định của nguồn nước là yếu tố tiềm ẩn nhiều rủi ro có thể tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đơn vị tính: ngàn đồng.

Khoản mục		Năm 2017	Năm 2018	Q1.2019
Chi phí nguyên vật liệu	A	11.460.409	8.935.011	3.403.349
Giá vốn hàng bán	B	41.568.746	43.079.548	12.509.309
Tỷ lệ Chi phí NVL / GVHB	A/B	27,57%	20,74%	27,21%
Tổng chi phí (GVHB, bán hàng, QLDN)	C	46.997.386	48.935.523	13.431.349
Tỷ lệ chi phí NVL / tổng chi phí	A/C	24,39%	18,26%	25,34%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, năm 2018 và BCTC quý 1 năm 2019 của NTH



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Nhà máy Thủy điện Nước Trong là hợp phần thuộc dự án Hồ chứa nước Nước Trong được xây dựng nhằm mục tiêu phát điện. Do đó, nguồn nước của Hồ là nguồn nguyên liệu chính phục vụ cho hoạt động sản xuất của Nhà máy.

Xét về lượng nước, Hồ chứa nước Nước Trong có tổng diện tích lưu vực 460 km²; diện tích mặt hồ 11,66 km², với dung tích chứa khoảng 290 triệu m³, nước ứng với mực nước dâng bình thường có cao trình gần 130 m. Từ cụm đầu mối, nước từ thượng nguồn sẽ được dẫn dòng, tích tụ vào lòng hồ Nước Trong và được điều tiết phù hợp với nhu cầu sản xuất và sinh hoạt.

Ngoài ra, Công ty còn dùng các vật tư, phụ liệu khác dùng cho vận hành máy móc thiết bị như: các vật tư thiết bị nhỏ lẻ, phụ tùng thay thế, xăng, dầu, nhớt bôi trơn,... Đây là nguồn vật tư, phụ liệu mua trong nước, có nguồn bán rộng rãi trên thị trường, dễ kiểm soát chất lượng và chiếm tỷ trọng nhỏ trong chi phí sản xuất.

Cùng với sự biến động trong sản lượng điện sản xuất trong giai đoạn 2016-2018, chi phí nguyên vật liệu trong năm 2017 của Công ty tăng mạnh hơn 82% so với năm 2016, sau đó giảm gần 22% trong năm 2018. Trong quý 1 năm 2019, chi phí nguyên vật liệu của Công ty đạt khoảng 3,4 tỷ đồng, tăng gần 11% so với quý 1 năm 2018.

6.4. Chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: ngàn đồng.

Chi phí	Năm 2017		Năm 2018		Q1.2019	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Giá vốn hàng bán	41.568.746	35,42	43.079.548	48,45	12.509.309	34,05
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
Chi phí QLDN	5.428.640	4,63	5.885.975	6,62	922.040	2,51
Chi phí tài chính	17.433.164	14,85	14.544.862	16,36	3.255.337	8,86
Tổng cộng	64.430.550	54,90	63.510.385	71,43	16.686.686	45,43

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, năm 2018 và BCTC quý 1 năm 2019 của NTH

Nhìn chung, tổng chi phí sản xuất trên doanh thu thuần của Công ty biến động mạnh trong giai đoạn 2016-2018, cụ thể giảm từ 71,34% năm 2016 xuống còn 54,90% năm 2017, sau đó tăng lên 71,43% trong năm 2018.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Nguyên nhân chính dẫn đến việc sụt giảm tỷ lệ chi phí trên doanh thu trong năm 2017 chủ yếu đến từ khoản chi phí tài chính của Công ty, đây hầu hết là khoản định phí lãi vay ngân hàng và có giá trị giảm dần do số dư nợ gốc đáo hạn hằng năm, trong khi đó doanh thu trong năm của Công ty tăng trưởng mạnh hơn 55% khiến cho tỷ lệ chi phí tài chính trên doanh thu giảm khoảng 12,21%. Sang năm 2018, tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu tăng mạnh lên 48,45% so với mức 35,42% cùng kỳ năm trước, do hằng năm Công ty phải chịu khoản định phí khấu hao tài sản cố định khoảng 20 tỷ đồng, trong khi doanh thu năm 2018 giảm hơn 24,24% so với năm 2017, điều này khiến cho tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu đã tăng thêm gần 6%. Ngoài ra, trong năm 2018, chi phí dịch vụ mua ngoài của Công ty tăng từ khoảng 100 triệu đồng lên hơn 3 tỷ đồng cũng góp phần làm gia tăng tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thêm 3,37%. Đây là nguyên nhân khiến cho tỷ lệ chi phí trên doanh thu năm 2018 tăng thêm khoảng 16,5% so với năm 2017.

Xét về cơ cấu chi phí, giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất, bình quân hơn 40% doanh thu thuần trong ba năm 2016, 2017 và 2018. Bên cạnh đó, chi phí tài chính cũng chiếm tỷ trọng đáng kể trong doanh thu thuần với mức bình quân 18,6%, chủ yếu phát sinh từ khoản vay dài hạn Ngân hàng Agribank từ năm 2009 để đầu tư cho dự án Nhà máy Thủy điện Nước Trong. Tính đến thời điểm 31/12/2018, khoản nợ vay của Công ty tại Ngân hàng Agribank còn 145.359.999.989 đồng. Còn lại là chi phí về quản lý doanh nghiệp với tỷ trọng bình quân 5,5%, chủ yếu là chi phí cho nhân viên quản lý của Công ty. Ngoài ra, do đặc thù hoạt động kinh doanh, Công ty sản xuất điện và bán trực tiếp cho Tổng Công ty Điện lực Miền Trung để thực hiện phân phối đến người tiêu dùng, do đó hoạt động của Công ty không phát sinh chi phí bán hàng.

Tình hình quản lý chi phí của Công ty 3 tháng đầu năm 2019 tương đối ổn định và hiệu quả. Trong cơ cấu chi phí, giá vốn hàng bán vẫn là khoản chi chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm 34,05% doanh thu thuần, tăng 6,24% so với cùng kỳ năm 2018. Trong khi đó chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính đều có sự giảm mạnh, lần lượt giảm 43,12% và 15,67% so với cùng kỳ dẫn đến tổng chi phí hoạt động của Công ty trong quý 1 năm 2019 giảm 3,3% so với quý 1 năm 2018.

6.5. Trình độ công nghệ

Các hệ thống thiết bị điện trong Nhà máy thủy điện của Công ty được cung cấp chủ yếu bởi các nhà chế tạo thiết bị có uy tín của Trung Quốc và Việt Nam, ứng dụng công nghệ kỹ thuật số trong điều khiển và giám sát hoạt động của toàn nhà máy. Các thiết bị này đáp ứng tốt các yêu cầu kỹ thuật của đơn vị tư vấn thiết kế nhà máy và đơn vị mua điện của nhà máy là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Vì nhà máy mới được đưa vào hoạt động từ năm 2012 nên có ưu thế trong việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới. Cho đến hiện tại trong quá trình hoạt động chưa có những trục trặc về thiết bị nghiêm trọng nào.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Hệ thống có tính năng tự động cao do đó giảm được số lượng lớn nhân sự trong vận hành các thiết bị nhà máy. Giao diện đơn giản dễ sử dụng, có chế độ kiểm tra giám sát để điều chỉnh hoặc khi cần sẽ loại bỏ thiết bị hư hỏng để không ảnh hưởng đến các thiết bị khác trong hệ thống.

Các thông số kỹ thuật các thiết bị chính của Nhà máy Thủy điện Nước Trong như sau:

Stt	Tên thiết bị/chỉ tiêu	Diễn giải
1	Turbines	
	Số lượng	3
	Kiểu	Tâm trục - trục đứng (Francis)
	Vòng quay định mức	375 vòng/phút
	Vòng quay lồng	857 vòng/phút
	Lưu lượng định mức	14,48 m ³ /s (thiết kế cho 1 Turbines)
	Nhà cung cấp	Chongqing Precision Trading Co., Ltd (CQPRS), China
	Năm sản xuất	Năm 2011
2	Máy phát điện	
	Số lượng	3
	Kiểu	Đồng bộ ba pha trục đứng
	Công suất tổ máy	5500kW
	Điện áp định mức	6,3kV
	Hệ số công suất	0,8
	Số vòng quay đồng bộ	375 vòng/phút
	Số vòng quay lồng	857 vòng/phút
	Tần số định mức	50Hz
	Nhà cung cấp	Chongqing Precision Trading Co., Ltd (CQPRS), China
	Năm sản xuất	Năm 2011
3	Máy biến áp chính	
	Số lượng	3
	Công suất	7500kVA
	Tỷ số điện áp định mức	6,3/38,5kV
	Sơ đồ đấu dây	$\Delta/Y-11$
	Nhà chế tạo và cung cấp	Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP (EEMC)
	Năm sản xuất	Năm 2010

Nguồn: CTCP Thủy điện Nước Trong.



6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới

Ngành nghề chính của Công ty cổ phần Thủy điện Nước Trong là sản xuất, kinh doanh mua và bán điện. Dự án Nhà máy Thủy điện Nước Trong được khởi công vào năm 2008 đến nay đã hoàn tất và đi vào hoạt động. Theo đó, Công ty dự kiến sẽ đầu tư mở rộng thêm 01 tổ máy tại Nhà máy Thủy điện Nước Trong trong giai đoạn tới. Ngoài ra, Công ty dự kiến sẽ tiến hành các thủ tục xin phép sử dụng mặt nước hồ và các đảo trên Hồ chứa nước Nước Trong để phục vụ các mục đích kinh doanh khác của Công ty.

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Sản phẩm điện là sản phẩm đặc thù, sản xuất và tiêu thụ song song với nhau, không có hàng tồn kho. Do đó, chất lượng được kiểm định trực tiếp thông qua Trung tâm điều hành lưới điện quốc gia và các trung tâm điều độ miền Trung.

Bộ phận Kỹ thuật của Công ty có trách nhiệm kiểm tra đảm bảo chất lượng nguồn điện cung cấp bằng cách đáp ứng tốt các thông số kỹ thuật theo quy định chung của ngành Điện như tần số, điện áp, hòa lưới điện và ngừng máy theo yêu cầu của Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia, đảm bảo sự an toàn của con người, thiết bị và cơ sở hạ tầng của nhà máy.

Ngoài ra, bộ phận Kỹ thuật còn có nhiệm vụ phối hợp với Nhà máy trong việc tiếp nhận, quản lý vận hành các thiết bị để sản xuất điện theo kế hoạch và chất lượng như quy định theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Trong thời gian qua cùng với việc từng bước củng cố tổ chức hoạt động, CTCP Thủy điện Nước Trong đã xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

6.8. Hoạt động Marketing

Do Nhà máy Thủy điện Nước Trong là dự án đã được Nhà nước đặt hàng nên việc tiêu thụ sản phẩm sau khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được Nhà nước bao tiêu. Đặc biệt trong điều kiện nguồn cung về năng lượng điện còn thấp so với lượng cầu hiện nay, hoạt động Marketing sản phẩm không được xem là quan trọng trong giai đoạn này.



6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Từ khi đi vào hoạt động đến nay, Công ty sử dụng biểu tượng Logo sau đây:



Hiện nay, Công ty chưa có kế hoạch đăng ký bản quyền logo với cơ quan có thẩm quyền.

6.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Căn cứ quy định hiện nay, Nhà nước độc quyền trong lĩnh vực truyền tải và phân phối điện. Do đó, về hợp đồng cung cấp sản phẩm/dịch vụ đầu ra, Công ty chỉ ký Hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Thông tin cụ thể như sau:

Hợp đồng	Tên đối tác	Sản phẩm/Dịch vụ cung cấp	Giá trị hợp đồng hàng năm	Thời gian thực hiện
Hợp đồng số 8/2011 NUOC TRONG/EVN CPC-NTC ngày 11/8/2011 (Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 30/9/2015).	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Điện năng	Sản lượng điện xuất bán * giá bán điện do Cục Điều tiết điện lực – Bộ Công thương công bố hàng năm.	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại (tháng 10/2012)

Nguồn: CTCP Thủy điện Nước Trong.



7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong hai năm gần nhất

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018		Q1.2019	
		Giá trị	Giá trị	% +/- 2017	Giá trị	% +/- Q1.2018
1.	Tổng giá trị tài sản	318.119.281	290.730.437	(8,61%)	300.179.601	3,25%
2.	Vốn chủ sở hữu	125.926.673	135.844.479	7,88%	154.882.879	14,01%
3.	Doanh thu thuần	117.364.717	88.915.484	(24,24%)	36.733.597	5,33%
4.	Lợi nhuận gộp	75.795.971	45.835.937	(39,53%)	24.224.287	4,87%
5.	Lợi nhuận từ HĐKD	52.955.636	25.441.005	(51,96%)	20.048.714	13,78%
6.	Lợi nhuận khác	(203.563)	(151.699)	(25,48%)	-	-
7.	Lợi nhuận trước thuế	52.752.073	25.289.306	(52,06%)	20.048.714	13,81%
8.	Lợi nhuận sau thuế	52.752.073	25.289.306	(52,06%)	19.038.400	8,08%
9.	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	51,19%	89,70%	38,51%	-	-
10.	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	49,00%	19,32%	(29,68%)	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, năm 2018 và BCTC quý 1 năm 2019 của NTH

Trong bối cảnh thiên nhiên diễn biến bất lợi về thời tiết, năm 2015 - 2016 được xem là giai đoạn khó khăn của các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành thủy điện. Tháng 5 năm 2016 hiện tượng Elnino kết thúc, sau gần 2 năm sụt giảm về sản lượng, Elnino kết thúc đã giúp sản lượng của các doanh nghiệp trở về điều kiện bình thường, và sẽ càng thuận lợi hơn khi hiện tượng Lanina diễn ra.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Từ nửa cuối năm 2016, lượng mưa tại lưu vực Hồ chứa nước Nước Trong khá cao và kéo dài nên lượng nước sử dụng cho hoạt động phát điện của Thủy điện Nước Trong ổn định và đạt năng suất cao hơn những năm trước. Hồ chứa nước Nước Trong hoàn thành cao trình 129,5m vào tháng 11 năm 2016 nên đã tích trữ được nước để phát vào đầu năm 2017. Đó là lý do vì sao năm 2016 năng suất của Nước Trong vẫn duy trì được ổn định và tăng so với 2015, đạt 60,59 triệu kWh với tổng doanh thu bán điện là 75,4 tỷ đồng tăng 52,46% so với năm 2015 và 20,11% so với kế hoạch đặt ra.

Các tháng đầu năm 2017 lưu lượng về hồ tương đối lớn và đầu tháng 11 năm 2017 có lượng mưa lớn nên lượng nước sử dụng cho hoạt động phát điện của Thủy điện Nước Trong ổn định và đạt sản lượng cao hơn những năm trước. Năm 2017, Công ty đã tiến hành thí nghiệm lại thiết bị nhà máy, trạm nâng áp và thực hiện việc bảo dưỡng Nhà máy nhằm mang lại hiệu quả cao. Thiết bị, máy móc hoạt động tương đối ổn định, đạt năng suất cao. Tại những thời điểm mực nước ở trong hồ cao hơn mực nước thiết kế có thể chạy vượt 10% công suất thiết kế vào giờ cao điểm mùa khô. Trong năm 2017, nhà máy đã phát được 109,1 triệu kWh điện thương phẩm, tổng doanh thu bán điện là 117,364 tỷ tăng 54,97% so với năm 2016 và vượt 17,89% so với kế hoạch đặt ra.

Bên cạnh đó, với việc Công ty đã cùng với các Chủ đầu tư Nhà máy thủy điện vừa và nhỏ trên toàn quốc làm việc với Cục Điều tiết Điện lực- Bộ Công thương để điều chỉnh tăng giá mua điện năm 2018 đối với các thủy điện vừa và nhỏ, doanh thu tăng trong bối cảnh chi phí giảm: giá vốn giảm từ 38,77% doanh thu xuống còn 35,42% doanh thu; chi phí quản lý doanh nghiệp được duy trì ở mức thấp; chi phí tài chính giảm từ 27,06% doanh thu còn 14,85% doanh thu làm cho lợi nhuận năm 2017 tăng 141,38% so với năm 2016. Bên cạnh đó, Công ty đang trong thời gian được ưu đãi về thuế (được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm kế tiếp kể từ khi Công ty có phát sinh thu nhập chịu thuế và năm 2015 là năm đầu tiên Công ty phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp) nên lợi nhuận sau thuế giữ nguyên mức tăng trưởng 141,38% so với năm 2016, thể hiện sự tăng trưởng vượt trội cả về doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Sang năm 2018, với điều kiện thời tiết không thuận lợi, lượng nắng nhiều và lượng mưa ít khiến cho lượng nước trong hồ thấp hơn mức trung bình của nhiều năm trước, từ đó ảnh hưởng mạnh đến hoạt động phát điện đến Nhà máy thủy điện của Công ty. Cụ thể, doanh thu thuần trong năm của Công ty giảm hơn 24%, trong khi vẫn gánh chịu các khoản định phí



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

từ chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí lãi vay ngân hàng hằng năm khiến cho lợi nhuận của Công ty giảm hơn 52% so với cùng kỳ năm 2017.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 3 tháng đầu năm 2019 đạt được nhiều kết quả tích cực. Theo đó, doanh thu thuần, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế của Công ty đều có sự tăng trưởng, lần lượt tăng 5,33%, 13,78% và 8,08% so với cùng kỳ năm 2018.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

⬇ Thuận lợi:

- Công ty đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt mức đóng tiền sử dụng nước từ công trình thủy lợi của Nhà máy Thủy điện Nước Trong là 8% giá trị sản lượng điện thương phẩm.
- Công ty đã thực hiện tốt chủ trương của UBND tỉnh, tỉnh ủy Quảng Ngãi và các Sở ban ngành tỉnh Quảng Ngãi cũng như mối quan hệ tốt với các đơn vị liên quan như Công ty TNHH MTV KTCTTL Quảng Ngãi để vận hành phát điện đạt hiệu quả.
- Làm việc với Công ty Điện lực Quảng Ngãi; Tổng Công ty Điện lực miền Trung huy động tối đa công suất phát điện của nhà máy để đem lại kết quả sản xuất kinh doanh cao nhất.
- Công ty cũng đã làm việc với Công ty Điện lực Quảng Ngãi, Điện lực thành phố Quảng Ngãi, Điện lực Sơn Hà để vận hành đường dây tải điện 35kV sao cho thời gian mất điện thấp nhất.
- Công ty đã cùng với các Chủ đầu tư Nhà máy thủy điện vừa và nhỏ trên toàn quốc làm việc với Cục Điều tiết Điện lực - Bộ Công thương để điều chỉnh tăng giá mua điện 2018 đối với các thủy điện vừa và nhỏ.
- Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của HĐQT, cùng với sự hăng say, nhiệt tình trong công việc, trình độ chuyên môn của CBNV công ty ngày càng được nâng cao đáp ứng nhu cầu quản lý vận hành an toàn và liên tục cho Nhà máy;

⬇ Khó khăn:

- Năm 2018 thời tiết nắng nhiều, mưa ít, lượng nước trong hồ luôn ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm, không thuận lợi cho các Nhà máy thủy điện Miền Trung cũng như Nhà máy thủy điện Nước Trong trong việc phát điện nên các chỉ tiêu đạt được giảm nhiều so với năm 2017.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

- Quy trình quản lý và vận hành hồ chứa nước Nước Trong với ưu tiên là cấp nước cho nông nghiệp; công nghiệp, sinh hoạt; chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản nên việc phát điện phải theo yêu cầu cấp nước về hạ lưu của các nhiệm vụ trên cũng ảnh hưởng đến việc vận hành theo giờ cao điểm để được hưởng giá cao.
- Công tác phát quang hành lang tuyến đường dây 35kV gặp rất nhiều khó khăn do người dân cản trở và ảnh hưởng của việc trồng cây lớn bên ngoài hành lang tuyến ngã vào (nhất là cây keo) nên việc mất điện đường dây hay xảy ra.
- Do việc cải tạo đường dây 35kV gặp nhiều khó khăn, chưa thể cải tạo 9,4km đường dây và phải sử dụng dây cũ nên sự cố đường dây và tổn thất rất lớn.
- Công trình Hồ chứa nước Nước Trong chưa hoàn thiện; việc bàn giao giữa chủ đầu tư công trình và đơn vị quản lý sử dụng chưa hoàn thành nên việc phối hợp giữa các bên chưa được tốt cũng làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của nhà máy.
- Hệ thống quan trắc hồ chứa chưa được lắp đặt nên vận hành hồ chứa gặp rất nhiều khó khăn trong việc dự báo lưu lượng đến để tiến hành xả và tích nước trong mùa lũ để nhà máy vận hành đạt hiệu suất cao nhất.
- Theo quy định về vận hành liên hồ chứa thì vào mùa mưa việc vận hành liên hồ chứa do Sở Tài nguyên Môi trường trực tiếp tham mưu cho Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh (thường trực Văn phòng là Chi cục Thủy Lợi) quyết định nhưng hiện nay sự phối hợp giữa các bên chưa thật sự nhịp nhàng.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

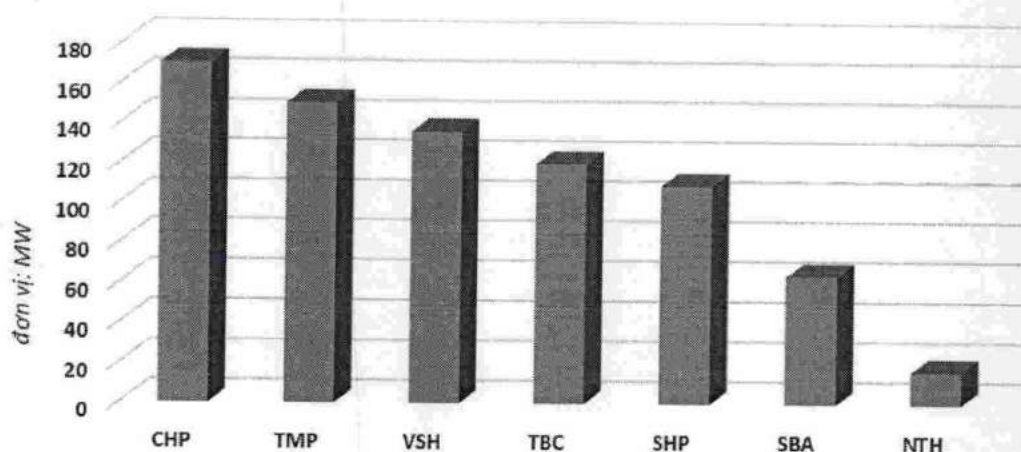
8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Hợp phần thủy điện Nước Trong thuộc dự án hồ chứa nước Nước Trong, nằm trong danh sách các công trình thủy điện đã được Bộ Công nghiệp phê duyệt trong quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc tại Quyết định số 3454/QĐ-BCN ngày 18/10/2005.

Nhà máy Thủy điện Nước Trong nằm trên địa bàn xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà, cách thành phố Quảng Ngãi khoảng 70 km về phía tây. Nhà máy có tổng công suất lắp đặt 16,5 MW, tổng giá trị đầu tư đã được kiểm toán là 405,69 tỷ đồng.



Biểu đồ: Tổng công suất điện của một số công ty thủy điện đang niêm yết tại HSX và HNX tham gia phát điện cạnh tranh.



Nguồn: Quyết định số 95/QĐ-ĐTĐL ngày 25/12/2017 của Cục điều tiết điện lực.

Tuy có quy mô và công suất nhỏ hơn so với các Công trình Thủy điện khác trên phạm vi toàn quốc và khu vực, công trình Nhà máy Thủy điện Nước Trong cùng với dự án Cụm công trình đầu mối hồ chứa nước Nước Trong khi đưa vào vận hành ngoài việc bổ sung cho lưới điện quốc gia khoảng 70 triệu kWh/năm còn có các nhiệm vụ quan trọng khác như: Ổn định (khoảng 75%) nước tưới cho hơn 52 ngàn hecta đất nông nghiệp thuộc hệ thống thủy lợi Thạch Nham vào các tháng mùa khô; tạo nguồn cấp nước công nghiệp sinh hoạt cho khu kinh tế Dung Quất, thành phố Vạn Tường, thành phố Quảng Ngãi và 7 huyện đồng bằng tỉnh Quảng Ngãi; cấp nước chăn nuôi, phục vụ nuôi trồng thủy sản và giảm ngập lụt vùng hạ lưu.

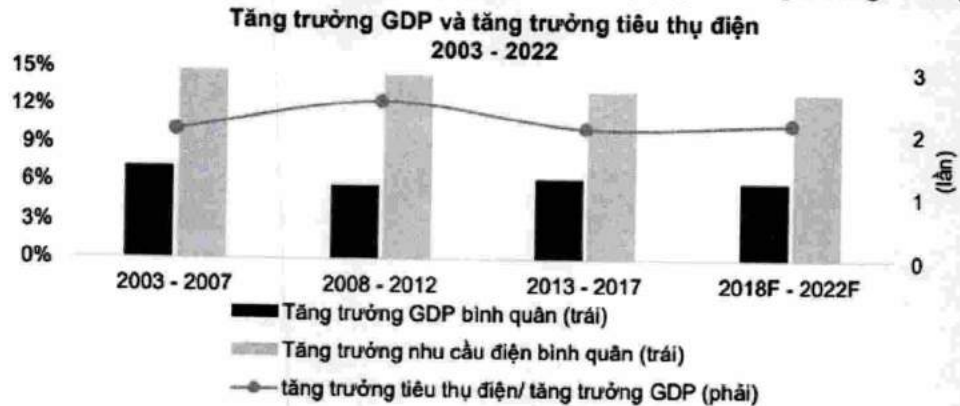
8.2. Triển vọng phát triển của ngành

✦ Ngành điện:

Nằm trong chuỗi giá trị đầu vào của nền kinh tế, tăng trưởng GDP nước ta luôn đi kèm với tăng trưởng trong nhu cầu điện. Tiêu thụ điện cả nước trong giai đoạn 2011-2016 luôn tăng nhanh gấp đôi so với tăng trưởng GDP. Theo dự báo của World Bank cho giai đoạn 2018-2020, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ rơi vào khoản 6,5%. Ứng với mức tăng trưởng GDP này, nhu cầu tiêu thụ điện dự kiến trong năm tới cũng sẽ tăng dần 11-13%/năm. Trong khi đó, nguồn cung điện thực tế hiện mới chỉ đạt mức tăng trưởng khoảng 6 – 7%.



Biểu đồ: So sánh tốc độ tăng trưởng sản lượng điện tiêu thụ (%) với tăng trưởng GDP (%)



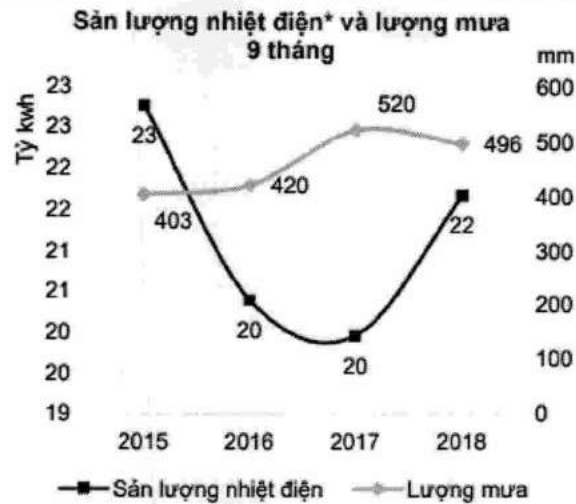
Nguồn: Rờng Việt tổng hợp

Theo báo cáo triển vọng năng lượng Việt Nam năm 2017 của Bộ Công Thương, điện năng đang ngày càng chiếm tỉ trọng lớn hơn trong cơ cấu tiêu thụ năng lượng cuối cùng và nhu cầu điện dự kiến sẽ tăng bình quân gần 8% mỗi năm cho đến năm 2035, tương ứng với nhu cầu công suất sản xuất điện tăng thêm 93 GW trong cùng giai đoạn. Khoảng gần một nửa công suất nguồn điện mới này sẽ được cung cấp từ nhiệt điện than và khoảng 25% là từ năng lượng tái tạo.

Nhìn chung, sản lượng điện sản xuất và tiêu thụ trong nước vẫn đang có xu hướng tăng so với các năm trước. Tốc độ tăng trưởng của ngành điện vẫn đạt mức từ 9 – 10%/năm qua từng năm. Lũy kế 9 tháng năm 2018, tổng sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu đạt 163,5 tỷ kWh, tăng 10,54% so với cùng kỳ năm 2017. Sản lượng điện thương phẩm toàn EVN lũy kế 9 tháng ước đạt 143 tỷ kWh (+10,1% yoy), tăng 10,13% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng điện thương phẩm nội địa tăng 10,21%.

⚡ **Thủy điện:**

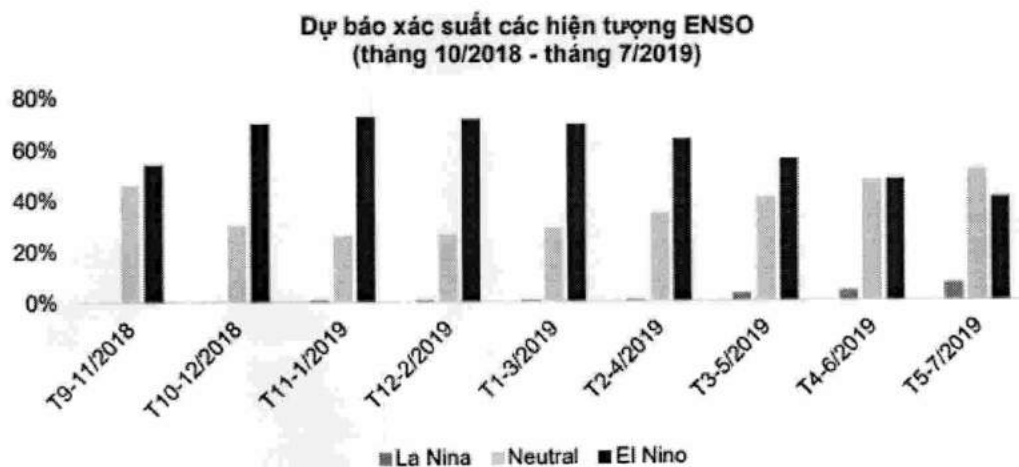
Năm 2017, điều kiện thủy văn thuận lợi tạo điều kiện tốt cho kết quả kinh doanh của các công ty thủy điện sau khi bị ảnh hưởng bởi El Nino năm 2015 – 2016. Trong năm 2018, với cường độ yếu của La Nina, tổng sản lượng thủy điện ngành giảm nhẹ so với năm 2017.



(*) Sản lượng ước tính dựa trên giá định giá bán điện cho các nhà máy nhiệt điện cố định ở mức 1.200 đồng/kWh và tính dựa theo kết quả kinh doanh của 6 nhà máy nhiệt điện là QTP, HND, PPC, NBP, NT2, BTP.

Ảnh hưởng từ trạng thái La Nina giảm dần đã kéo giảm lượng nước chảy về các hồ chứa, từ đó làm giảm khả năng cung cấp điện của nhà máy thủy điện. Lượng mưa bình quân cả nước 9 tháng đầu năm 2018 ước giảm khoảng 5% so với 2017, trong đó, miền Nam là khu vực có lượng mưa biến động nhiều nhất với mức giảm 16%.

Theo Bản tin dự báo khí tượng thủy văn thời hạn mùa của Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, hiện tượng ENSO được dự báo sẽ có xu hướng chuyển dần sang trạng thái El Nino trong những tháng cuối năm 2018, đầu năm 2019 với xác suất khoảng 80%. Việc chuyển sang trạng thái El Nino sẽ làm giảm khoảng 10 – 15% lượng mưa về hồ chứa tại các nhà máy thủy điện.



Nguồn: IRI, IMH



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Giá bán điện trên thị trường phát điện cạnh tranh (CGM) tăng trở lại nhưng vẫn ở mức thấp. Theo phương án vận hành thị trường phát điện cạnh tranh năm 2018, thành phần cố định trong giá CGM (giá CAN) tăng nhẹ khoảng 1% so với năm 2017. Trong khi đó, giá trần của thành phần biến đổi cũng chỉ tăng nhẹ từ 1.266 đồng/kWh lên 1.280 đồng/kWh. Cùng với triển vọng nguồn cung thủy điện, giá CGM được dự báo sẽ tăng vừa phải trong năm 2018.

Giá bán điện bình quân trên thị trường có xu hướng tăng trở lại sau khi trạng thái La Nina kết thúc. Thấp nhất vào năm 2017 trong 6 năm trở lại, giá bán điện bình quân trên thị trường đang dần phục hồi và đạt mức trung bình là 870 đồng/kWh trong 9T2018. Nguyên do chính của sự phục hồi này tới từ việc tăng cường phát điện của nhiệt điện trong các 6 tháng đầu năm, khi thời tiết dần không thuận lợi cho thủy điện. Trong 3 tháng cuối năm, giá bán điện tiếp tục duy trì ở mức cao so với cùng kì 2017 do mùa mưa đã kết thúc, các hồ thủy điện phải bắt đầu tích nước chuẩn bị cho đầu năm sau nên sẽ đẩy mạnh nguồn cung điện tới từ thủy điện, từ đó làm nâng mặt bằng giá bán điện bình quân trên cả thị trường điện.

8.3. So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các DN trong cùng ngành

Hiện nay, tại SGDCK Tp.HCM (HSX) và SGDCK Hà Nội (HNX) có nhiều công ty đang niêm yết hoặc đăng ký giao dịch có ngành nghề hoạt động tương tự với CTCP Thủy điện Nước Trong như: CTCP Thủy điện Miền Trung (CHP), CTCP Thủy điện Thác Mơ (TMP), CTCP Thủy điện Miền Nam (SHP), CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (VSH), CTCP Thủy điện Cần Đơn (SJD), CTCP Thủy điện Thác Bà (TBC), CTCP Thủy điện Nậm Mu (HJS), CTCP Thủy điện Sông Ba (SBA), CTCP Thủy điện Gia Lai (GHC), CTCP Thủy điện – Điện lực 3 (DRL), CTCP Thủy điện Hương Sơn (GSM), CTCP Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (ISH), CTCP Thủy điện Sê San 4A (S4A) và CTCP Đầu tư và Phát triển Điện miền Trung (SEB). Các chỉ tiêu về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp năm 2018:

Mã	Tên	VĐL (tỷ đồng)	DTT (tỷ đồng)	Biên LNG (%)	LNST (tỷ đồng)	EPS (đ/cp)
NTH	CTCP Thủy điện Nước Trong	108,02	88,92	51,55	25,29	2.137
CHP	CTCP Thủy điện Miền Trung	1.385,99	470,02	43,55	95,89	692
TMP	CTCP Thủy điện Thác Mơ	700,00	886,53	67,51	514,09	7.245
SHP	CTCP Thủy điện Miền Nam	937,10	619,29	50,06	187,52	1.884
VSH	CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	2.062,41	563,58	61,98	306,21	1.445



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Mã	Tên	VĐL (tỷ đồng)	DTT (tỷ đồng)	Biên LNG (%)	LNST (tỷ đồng)	EPS (đ/cp)
SJD	CTCP Thủy điện Cần Đơn	689,99	496,32	55,22	190,98	2.768
TBC	CTCP Thủy điện Thác Bà	635,00	396,08	66,16	205,55	3.237
HJS	CTCP Thủy điện Nậm Mu	210,00	180,23	33,58	44,27	2.120
SBA	CTCP Sông Ba	604,88	254,01	67,67	96,34	1.595
GHC	CTCP Thủy điện Gia Lai	205,00	156,09	68,52	100,68	4.666
DRL	CTCP Thủy điện - Điện lực 3	95,00	84,34	68,09	51,78	5.132
GSM	CTCP Thủy điện Hương Sơn	285,62	116,85	48,18	5,38	188
ISH	CTCP Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	450,00	273,24	55,20	94,40	2.098
S4A	CTCP Thủy điện Sê San 4A	422,00	307,49	65,30	131,30	3.111
SEB	CTCP Đầu tư và Phát triển Điện miền Trung	320,00	242,98	63,81	112,22	3.156

Nguồn: BCTC (hợp nhất) kiểm toán năm 2018 của CHP, TMP, SHP, VSH, SJD, TBC, HJS, SBA, GHC, DRL, GSM, ISH, S4A và SEB.

So với 14 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủy điện hiện đang niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán nêu trên, CTCP Thủy điện Nước Trong có mức vốn điều lệ, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế nhỏ hơn so với nhiều doanh nghiệp trong cùng ngành. Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp của Công ty với giá trị 51,55%, nằm ở mức trung bình so với các công ty trong nhóm (lớn hơn 4 công ty khác) và EPS năm 2018 là 2.137 đồng/cổ phần (lớn hơn 7 công ty khác). Điều này cho thấy hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Thủy điện Nước Trong so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Với lợi thế sẵn có cùng chiến lược phát triển ngành năng lượng hiện tại của Việt Nam, trong tương lai, ngành năng lượng nói chung và ngành điện cũng như thủy điện nói riêng vẫn giữ một vai trò quan trọng trong việc góp phần tạo nên tốc độ tăng trưởng kinh tế được dự báo là cao và đầy triển vọng của Việt Nam. Do đó, phạm vi hoạt động hiện tại của CTCP Thủy điện Nước Trong hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty tại thời điểm 31/12/2018

Yếu tố	Số lượng	Tỷ lệ
Phân loại theo trình độ lao động	27	100%
+ Đại học	09	33%
+ Cao đẳng	03	11%
+ Trung cấp	12	45%
+ Lao động phổ thông	03	11%

Nguồn: CTCP Thủy điện Nước Trong

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Lao động thường xuyên chỉ áp dụng cho số lao động có công việc làm thường xuyên, công việc yêu cầu trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm sâu, cần đào tạo kỹ. Số lao động và công việc kỹ thuật tương đối phổ thông, dễ tìm kiếm thay thế Công ty chuyển sang sử dụng các dịch vụ xã hội hoặc lao động thời vụ.

✚ Chế độ làm việc

- Tất cả lao động làm việc ở Công ty đều theo chế độ hợp đồng lao động. Tùy theo công việc và đối tượng lao động mà có hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động có thời hạn. Các chính sách đối với người lao động được thực hiện và tuân thủ theo quy định của Luật lao động và các quy định khác của Nhà nước. Giờ làm việc tại Công ty là 08 giờ/ngày.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, ốm đau, thai sản: Nhân viên được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.
- Văn phòng làm việc, nhà xưởng được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị phục vụ cho công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

✚ Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong luôn đánh giá yếu tố con người là nhân tố hàng đầu trong sự thành công của Công ty. Chính sách đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên là một trong những chính sách được ưu tiên phát triển hàng đầu của Cổ phần Thủy điện Nước Trong.

- **Về tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cơ chế tuyển dụng của Công ty luôn đảm bảo cơ hội bình đẳng, khách quan, minh bạch cho tất cả các ứng viên.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Theo từng vị trí cụ thể, công ty đề ra các yêu cầu cơ bản về trình độ chuyên môn cơ bản, ý thức phát triển nghề nghiệp và tính kỷ luật, trách nhiệm công việc. Đối với các vị trí quản lý, lãnh đạo, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, tác nghiệp độc lập, quyết đoán và các tiêu chí riêng khác của Công ty.

- **Về đào tạo:** Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty cũng luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực thông qua chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức nghiệp vụ chuyên môn. Hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cho cán bộ công nhân viên thông qua các hình thức đào tạo nội bộ và sử dụng các chương trình đào tạo từ bên ngoài ở trong và ngoài nước.

4 Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Chính sách lương của Công ty được xây dựng phù hợp với ngành nghề hoạt động. Nguyên tắc phân phối tiền lương cho người lao động là đảm bảo quyền lợi của người lao động được hưởng đầy đủ theo quy định của Nhà nước, cụ thể:

- Trả lương theo khối lượng, chất lượng lao động, hiệu quả công việc, trách nhiệm công việc, tính chất công việc, trình độ chuyên môn kỹ thuật, thâm niên công tác và sự đóng góp cho việc hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty.
- Lương được trả theo kết quả, hiệu quả công việc đã thực hiện và vị trí, chức danh đang đảm nhận.
- Gắn việc phân phối tiền lương với quản lý và sử dụng lao động hợp lý của các bộ phận trên cơ sở sử dụng các nguồn nhân lực hiện có để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

- Chính sách thưởng và phúc lợi: Với mục đích động viên, khuyến khích cán bộ, nhân viên trong Công ty hăng hái, tích cực trong công việc, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả công việc, ngoài chính sách khen thưởng định kỳ hàng năm cho người lao động, Công ty còn có chủ trương khen thưởng đột xuất cho các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc công việc được giao hoặc có những sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý... đem lại những hiệu quả thiết thực cho kết quả hoạt động chung của toàn Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp.
- Tỷ lệ cổ tức và hình thức chi trả cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Như vậy, Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của từng năm.

Căn cứ tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kể từ năm 2012, Nhà máy Thủy điện Nước Trong mới chính thức đưa vào khai thác sử dụng. Trong những năm đầu vận hành Nhà máy, hoạt động kinh doanh chưa đủ tạo ra lợi nhuận để bù đắp lỗ lũy kế nên Công ty không thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông. Đến năm 2017, sau khi đã hoàn tất bù đắp lỗ lũy kế, Công ty mới chính thức chi trả cổ tức cho cổ đông sau nhiều năm đã đồng hành cùng Công ty.

Tình hình chi trả cổ tức năm 2017 và năm 2018 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Vốn điều lệ thực góp	94.740.794.093	108.020.530.000	108.020.530.000
Tỷ lệ chi trả cổ tức:			
- Cổ tức bằng cổ phiếu	-	14% ⁽¹⁾	-
- Cổ tức bằng tiền	-	25% ⁽²⁾	21% ⁽³⁾

(1) Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 12/07/2014 đã thông qua chủ trương phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông sau khi hoạt động kinh doanh của Công ty có lãi và đủ bù đắp lỗ lũy kế, ngày 22/07/2017, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã thông qua việc trích 13.279.735.907 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi bù lỗ lũy kế để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông, tương ứng với tỷ lệ trả cổ tức 14% trên vốn thực góp trước khi phát hành (13.279.735.907 đồng / 94.740.794.093 đồng). Căn cứ BCTC kiểm toán



năm 2017, Công ty đã hoàn tất kết chuyển 13.279.735.907 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 94.740.794.093 đồng lên 108.020.530.000 đồng.

- (2) Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 12/05/2018, tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền năm 2017 của Công ty là 25% mệnh giá cổ phần, trong đó Công ty đã tạm ứng cổ tức với tỷ lệ 15% trong năm 2017 và thanh toán cổ tức còn lại với tỷ lệ 10% trong tháng 6 năm 2018.
- (3) Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 ngày 25/04/2019, tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền năm 2018 của Công ty là 21% mệnh giá cổ phần. Theo đó, Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất thực hiện chi trả cổ tức từ ngày 10/6/2019.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	6-25
Máy móc thiết bị	6-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-17
Thiết bị dụng cụ quản lý	3-5

11.1.2. Mức lương bình quân

Hiện nay, bình quân thu nhập hàng tháng của người lao động của Công ty là: 12.000.000 đồng/người/tháng, tương đối cao so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

11.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán điện.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Công ty được hưởng ưu đãi đối với dự án thủy điện như sau:
 - + Được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Năm 2012 là năm đầu tiên Nhà máy thủy điện Nước Trong đi vào hoạt động, do vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% từ năm 2012 đến năm 2026.
 - + Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi Công ty có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty phát sinh thu nhập chịu thuế.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
1	Thuế giá trị gia tăng	1.392.939	815.432	958.049
2	Thuế thu nhập cá nhân	50.182	45.117	78.768
3	Thuế tài nguyên	1.122.759	552.890	558.479
4	Thuế TNDN	-	-	918.969
5	Phí và lệ phí	266.688	64.478	65.478
	TỔNG CỘNG	2.832.568	1.478.917	2.579.743

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, năm 2018 và BCTC quý 1 năm 2019 của NTH

Công ty đã thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành.

11.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là Công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Số dư các quỹ tại ngày 31/12/2017, 31/12/2018 và 31/03/2019 như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(4.203.502)	365.945	93.423
2	Quỹ đầu tư phát triển	-	2.698.379	2.698.379
3	Lợi nhuận chưa phân phối	17.906.143	25.125.570	44.163.970
@	TỔNG CỘNG	13.702.641	28.189.894	46.955.772

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, năm 2018 và BCTC quý 1 năm 2019 của NTH



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

(*) Trong giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2016, toàn bộ lợi nhuận tạo ra được Công ty sử dụng để bù lỗ lũy kế nên không đủ nguồn để trích lập các quỹ theo quy định. Để duy trì công tác quản lý điều hành, vận hành Nhà máy sản xuất điện cũng như gắn kết người lao động có tay nghề và thâm niên, Công ty đã trích trước Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thực hiện các chính sách cho các cán bộ quản lý và người lao động. Theo đó, số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty đến thời điểm 31/12/2017 thâm hụt 4.203.502.312 đồng.

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 12/05/2018 thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018, giá trị Quỹ khen thưởng phúc lợi tại thời điểm 31/12/2018 là 365.945.181 đồng.

11.1.6. Tổng dư nợ vay

Tổng dư nợ vay của Công ty:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
1	Nợ vay ngắn hạn	28.624.000	28.724.000	24.224.000
	- Vay ngắn hạn (*)	4.400.000	4.500.000	-
	- Nợ dài hạn đến hạn trả	24.224.000	24.224.000	24.224.000
2	Nợ vay dài hạn	145.360.000	121.136.000	115.080.000
	- Vay dài hạn từ ngân hàng (**)	169.584.000	145.360.000	139.304.000
	- Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả	24.224.000	24.224.000	24.224.000
@	TỔNG CỘNG	173.984.000	149.860.000	139.304.000

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, năm 2018 và BCTC quý 1 năm 2019 của NTH

(*) Nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hằng năm, Công ty chủ yếu đi vay từ các cổ đông là người nội bộ trong Công ty với thời gian vay dưới 01 năm và lãi suất vay dao động từ 9 – 11%/năm. Tính đến thời điểm 31/03/2019, Công ty không phát sinh khoản vay ngắn hạn.

(**) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Quảng Ngãi theo hợp đồng vay số 01/2009/VBAQNg-NC ngày 18/03/2009 với thời hạn vay: 180 tháng và phương thức cho vay: theo dự án đầu tư. Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán chi phí đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy Thủy điện Nước Trong. Lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nông nghiệp theo từng giai đoạn. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay.

Công ty luôn trả vốn gốc và lãi vay ngân hàng đúng hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

11.1.7. Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	18.149.173	11.456.361	12.484.090
1	Phải thu khách hàng (*)	16.177.658	11.225.561	12.379.367
2	Trả trước cho người bán	644.976	40.000	63.813
3	Các khoản phải thu khác	1.326.538	190.800	40.910
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
@	TỔNG CỘNG	18.149.173	11.456.361	12.484.090

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, năm 2018 và BCTC quý 1 năm 2019 của NTH

(*) Đây là khoản phải thu khách hàng của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Căn cứ hợp đồng mua bán điện ký giữa Công ty và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, thời hạn thanh toán định kỳ hàng quý, chậm nhất từ 25 đến 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

- Các khoản phải trả

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
I	Nợ ngắn hạn	46.832.608	33.749.958	30.216.723
1	Vay và nợ ngắn hạn	28.624.000	28.724.000	24.224.000
2	Phải trả người bán (*)	1.894.413	2.099.033	2.858.704
3	Thuế và các khoản phải nộp NN	2.832.568	1.478.918	2.579.743
4	Phải trả người lao động	1.327.021	956.432	342.389
5	Chi phí phải trả	154.055	7.219	-
6	Các khoản phải trả khác (**)	16.204.053	118.411	118.464
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.203.502)	365.945	93.423
II	Nợ dài hạn	145.360.000	121.136.000	115.080.000
1	Vay và nợ dài hạn	145.360.000	121.136.000	115.080.000
@	TỔNG CỘNG	192.192.608	154.885.958	145.296.723

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, năm 2018 và BCTC quý 1 năm 2019 của NTH



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

(*) Trước năm 2017, các khoản phải trả người bán của Công ty chủ yếu trả cho các đối tác để xây dựng dự án nhà máy thủy điện, gồm: CTCP Xây dựng 47, CTCP Cơ khí Hà Giang Phước Tường, CTCP Cơ khí và Xây lắp 276,... Trong giai đoạn 2017 – 2018, các khoản phải trả của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản chi phí định kỳ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh như tiền sử dụng nước (trả định kỳ hàng tháng cho Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi), tiền dịch vụ môi trường rừng (trả định kỳ hàng quý cho Quỹ Bảo vệ & Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi),...

(**) Trong năm 2017, khoản phải trả khác của Công ty đạt giá trị hơn 16,2 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là khoản phải trả cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ 15% (tỷ lệ cổ tức năm 2017 là 25%, trong đó Công ty đã tạm ứng 10% cổ tức cho cổ đông trong năm 2017 và thực hiện chi trả 15% cổ tức còn lại trong tháng 6 năm 2018).

11.1.8. Hàng tồn kho:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
1	Nguyên liệu, vật liệu	206.427	83.427	83.427
2	Công cụ, dụng cụ	78.175	78.175	78.175
@	TỔNG CỘNG	284.602	161.602	161.602

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, năm 2018 và BCTC quý 1 năm 2019 của NTH

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (*)			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0,54	0,39
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,54	0,38
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,60	0,53
+ Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,53	1,14
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn dịch vụ /Hàng tồn kho BQ	vòng	146,06	193,09



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	vòng	0,37	0,29
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ LNST/Doanh thu thuần	%	44,95	28,44
+ LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	49,00	19,32
+ LNST/Tổng tài sản bình quân	%	16,58	8,31
+ LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	45,12	28,61

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP Thủy điện Nước Trong)

(*) Căn cứ tình hình thực tế, Nhà máy Thủy điện của Công ty chính thức đưa vào vận hành khai thác từ năm 2012 và bắt đầu tạo ra lợi nhuận từ năm 2015. Trong giai đoạn đầu hoạt động, Công ty phải chịu áp lực thanh toán cho các khoản nợ có giá trị lớn phát sinh từ việc đầu tư xây dựng dự án thủy điện, đặc biệt là nợ vay dài hạn đến hạn mỗi năm khiến cho giá trị nợ phải trả ngắn hạn luôn duy trì ở mức lớn hơn so với giá trị tài sản ngắn hạn. Tuy nhiên, Công ty vẫn luôn cố gắng đảm bảo các nghĩa vụ tài chính, thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay. Hiện nay, Công ty không có nợ quá hạn.

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đình Xuân	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
2	Lê Văn Hưng	Thành viên HĐQT điều hành
3	Nguyễn Đình Thọ	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Nguyễn Văn Cao	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Đình Vạn Tiến	Thành viên HĐQT không điều hành

12.1.1. Ông Nguyễn Đình Xuân - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Họ và tên: **NGUYỄN ĐÌNH XUÂN**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 11/07/1947
 CMND: 020289190 cấp ngày 06/02/2013 tại CA.TP.HCM
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Đông Anh – Hà Nội



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Địa chỉ thường trú: 29 Thảo Điền, Khu phố 2, Phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại: 0903900921

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
03/1965 – 03/1973	Công nhân đo đạc – Ty Thủy lợi Phú Thọ
03/1973 - 03/2001	Cán bộ - Ban Nông nghiệp R (Ban NNTW Cục Miền Nam)
03/2001 – 09/2007	Phó Tổng giám đốc - Tổng Công ty Cao su Việt Nam
11/2007 - nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Thủy điện Nước Trong
11/2011 - nay	Giám đốc - CTCP Thủy điện Nước Trong.

Chức vụ công tác tại Công ty: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ (05/04/2019): 610.161 cổ phiếu, chiếm 5,65% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 610.161 cổ phiếu, chiếm 5,65% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Bà Võ Thụy Vân Khanh (Vợ): sở hữu 400.000 cổ phiếu, chiếm 3,70% vốn điều lệ;
Ông Nguyễn Xuân Lý (Con): sở hữu 10.000 cổ phiếu, chiếm 0,09% vốn điều lệ

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

12.1.2. Ông Lê Văn Hưng – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **LÊ VĂN HƯNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/04/1987

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG**

Nơi sinh: xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
 CMND: 212681056, ngày cấp: 21/12/2016, nơi cấp: Công an Quảng Ngãi
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
 Địa chỉ thường trú: xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.
 Số điện thoại: 0906496749
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện – Điện tử

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
10/2005 – 10/2010	Sinh viên - Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP Hồ Chí Minh
01/2011 - 09/2012	Nhân viên Phòng Quản lý dự án - CTCP Thủy điện Nước Trong
09/2012 – 12/2015	Trưởng ca vận hành tại Nhà máy thủy điện Nước Trong - Công ty CP Thủy điện Nước Trong
12/2015 – 09/2016	Phó Quản đốc Nhà máy thủy điện Nước Trong - Công ty CP Thủy điện Nước Trong
10/2016 - nay	Quản đốc Nhà máy thủy điện Nước Trong - Công ty CP Thủy điện Nước Trong
07/2017 - nay	Thành viên HĐQT - Công ty CP Thủy điện Nước Trong

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Quản đốc Nhà máy thủy điện Nước Trong
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
 Số CP nắm giữ (05/04/2019): 15.664 cổ phiếu, chiếm 0,15% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 + Cá nhân sở hữu: 15.664 cổ phiếu, chiếm 0,15% vốn điều lệ
 Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có



Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

12.1.3. Ông Nguyễn Đình Thọ – Thành viên Hội đồng quản trịHọ và tên: **NGUYỄN ĐÌNH THỌ**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/05/1956

Nơi sinh: Xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

CMND: 210332093, ngày cấp: 07/3/2017, nơi cấp: Công an Bình Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ thường trú: 31 Hoàng Văn Thụ, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Số điện thoại: 0988651887

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Trung cấp Cơ khí

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
11/1976 – 01/1981	Công nhân Kỹ thuật - Công ty Xây dựng 47
02/1981 – 12/1989	Đội phó Đội thi công Cơ giới - Công ty Xây dựng 47.
01/1990 - nay	Giám đốc Xí nghiệp 13 kiêm Giám đốc Điều hành Mỏ - Công ty CP Xây dựng 47.
07/2017- nay	Thành viên HĐQT - Công ty CP Thủy điện Nước Trong

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Xí nghiệp 13, Giám đốc Điều hành Mỏ thuộc Công ty CP Xây dựng 47

Số CP nắm giữ (05/04/2019): 383.831 cổ phiếu, chiếm 3,55% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 383.831 cổ phiếu, chiếm 3,55% vốn điều lệ



Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

12.1.4. Ông Nguyễn Văn Cao – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN CAO**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12/08/1955

Nơi sinh: Từ Sơn – Bắc Ninh

CMND: số 023137403, ngày cấp: 13/07/2013, nơi cấp: Công an TP Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Từ Sơn – Bắc Ninh

Địa chỉ thường trú: (Số 3-D8) 92 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Q.Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Số ĐT liên lạc: 0914105455

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông nghiệp

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
02/1978 - 12/1988	Cán bộ - Phân viện Quy hoạch – thiết kế nông nghiệp
01/1989 - 08/2015	Thành viên HĐQT, Phó TGD - CTCP Xây dựng – Địa ốc Cao su
11/2007 - nay	Thành viên HĐQT - Công ty CP Thủy điện Nước Trong

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ (05/04/2019): 1.378.715 cổ phiếu, chiếm 12,76% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	1.378.715 cổ phiếu, chiếm 12,76% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu những người có liên quan:	Bà Nguyễn Thị Kim Hoa (Vợ): sở hữu 365.734 cổ phiếu, chiếm 3,39% vốn điều lệ. Ông Nguyễn Cao Nguyên (Con ruột): sở hữu 367.283 cổ phiếu, chiếm 3,40% vốn điều lệ. Ông Nguyễn Văn Hiến (Em ruột): sở hữu 300.000 cổ phiếu, chiếm 2,78% vốn điều lệ.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Hành vi phạm pháp luật:	Không có

12.1.5. Ông Đinh Vạn Tiến – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	ĐINH VẠN TIẾN
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	03/03/1952
Nơi sinh:	Xã Ninh Khang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
CMND:	022104880, ngày cấp: 28/03/2007, nơi cấp: Công an TP Hồ Chí Minh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Ninh Khang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Địa chỉ thường trú:	Đ8-14 Saigon Pearl, 92 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.
Số ĐT liên lạc:	0903705999
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Chính trị, Luật sư Công pháp Quốc tế



Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
10/1970 - 1/1977	Bộ đội chiến trường Miền đông Nam Bộ: Đoàn Pháo 75, Sư Đoàn 9, Quân Đoàn 4.
1/1977 - 8/1978	Sinh viên - Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
8/1978- 8/1984	Sinh viên - Trường Đại học Tổng hợp Kiev – Liên bang Xô Viết
8/1984- 5/1988	Cán bộ tổng hợp - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
5/1988 – 6/1991	Phó phòng Nhập khẩu - Công ty xuất nhập khẩu Cao Su, RuBeSim thuộc Tổng cục Cao Su.
6/1991 – 6/1993	Chuyên viên Phòng Xuất nhập khẩu - Tổng công ty Cao Su Việt Nam
6/1993 - 12/1999	Phó trưởng phòng Xuất nhập khẩu - Tổng công ty Cao Su Việt Nam
1/2000 – 9/2013	Trưởng ban Xuất nhập khẩu kiêm Chuyên viên cao cấp - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
5/2003 – 9/2013	Chủ tịch HĐQT - Công ty Liên doanh Việt – Nga Ucezen
5/2010 – 9/2013	Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH MTV Cao su KonTum
4/2014 – 2016	Thành viên HĐQT - Công ty CP Cao su Phước Thành
4/2014 – Nay	Thành viên HĐQT - Công ty CP Cao su Xuân Lộc
4/2014 – Nay	Thành viên HĐQT - Công ty CP Thủy điện Nước Trong.

Các chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT của CTCP Cao su Xuân Lộc;

Số CP nắm giữ (05/04/2019) 860.046 cổ phiếu, chiếm 7,96% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 860.046 cổ phiếu, chiếm 7,96% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
 Hành vi phạm pháp luật: Không có

12.2. Ban Kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Huỳnh Thị Kim Cúc	Trưởng BKS
2	Nguyễn Hữu Quang	Thành viên BKS
3	Hoàng Thị Thùy	Thành viên BKS

12.2.1. Bà Huỳnh Thị Kim Cúc – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: HUỖNH THỊ KIM CÚC
 Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 21/03/1977
 Nơi sinh: Xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi
 CMND: 211972683, ngày cấp: 01/11/2008, nơi cấp: Công an Quảng Ngãi
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi
 Địa chỉ thường trú: Xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.
 Số ĐT liên lạc: 0905338785
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
05/1997 – 02/2003	Tổ trưởng CCS – Phòng KCS Nhà máy Đường Phổ Phong - Công ty Đường Quảng Ngãi
02/2003 – 12/2017	Kế toán tổng hợp, Kế toán trưởng - Công ty CP 20/7
11/2011 - nay	Trưởng Ban kiểm soát - Công ty CP Thủy điện Nước Trong



Chức vụ công tác tại Công ty:	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có.
Số CP nắm giữ (thời điểm 05/04/2019):	42.858 cổ phiếu, chiếm 0,40% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	42.858 cổ phiếu, chiếm 0,40% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan:	Ông Hoàng Liêm (Anh ruột): sở hữu 163.990 cổ phiếu, chiếm 1,52% vốn điều lệ.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

12.2.2. Ông Nguyễn Hữu Quang – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	NGUYỄN HỮU QUANG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	09/08/1968
Nơi sinh:	Xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
CMND:	025101927, ngày cấp: 20/9/2012, nơi cấp: Công an TP Hồ Chí Minh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
Địa chỉ thường trú:	43B, đường số 9, Khu A, Khu phố 1, phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh.
Số ĐT liên lạc:	0902379898
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Điện công nghiệp

**Quá trình công tác**

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
02/1992 – 08/1999	Cán bộ kỹ thuật - Công ty Điện lực tỉnh Tiền Giang
02/1999 – 06/2006	Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty Điện lực Tân Thuận – Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh
06/2006 - nay	Giám đốc - Công ty TNHH Gia Long VN – TP Hồ Chí Minh
07/2017- nay	Thành viên BKS - Công ty CP Thủy điện Nước Trong

Các chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên BKS

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Gia Long VN – TP Hồ Chí Minh

Số CP nắm giữ (05/04/2019) 98.177 cổ phiếu, chiếm 0,91% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 98.177 cổ phiếu, chiếm 0,91% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi phạm pháp luật: Không có

12.2.3. Bà Hoàng Thị Thùy – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **HOÀNG THỊ THÙY**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 05/02/1985

Nơi sinh: Xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

Căn cước công dân: 042185000127, ngày cấp: 28/12/2015, nơi cấp:
Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
 Địa chỉ thường trú: 39E đường số 9, KP4, phường An Phú, Quận 2, TP Hồ Chí Minh
 Số ĐT liên lạc: 0945401409
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
10/2006 - nay	Kế toán tổng hợp – Đội Xây dựng cầu đường số 1 - Công ty CP Xây dựng địa ốc Cao Su
01/2007 – 06/2011	Kế toán Tổng hợp - Công ty CP Sao Mai
01/2013 - nay	Kế toán trưởng - Công ty TNHH TMDV Đô Thành
07/2017- nay	Thành viên Ban kiểm soát - Công ty CP Thủy điện Nước Trong

Các chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên BKS
 Kế toán tổng hợp – Đội Xây dựng cầu đường số 1
 Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Công ty CP Xây dựng địa ốc Cao Su;
 Kế toán trưởng - Công ty TNHH TMDV Đô Thành.

Số CP nắm giữ (05/04/2019) 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
 Hành vi phạm pháp luật: Không có



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

12.3. Thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đình Xuân	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
2	Võ Hồ	Phó Giám đốc
3	Ngô Trung Dũng	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

12.3.1. Ông Nguyễn Đình Xuân – Giám Đốc (Xem mục 12.1.1)

12.3.2. Ông Võ Hồ – Phó Giám Đốc

Họ và tên: **VÕ HỒ**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh: **30/10/1978**

Nơi sinh: **Xã Bình Minh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi**

CMND: **212048665, ngày cấp: 17/8/2013, nơi cấp: Công an TP Hồ Chí Minh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Dân tộc: **Kinh**

Quê quán: **Xã Bình Minh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi**

Địa chỉ thường trú: **Tổ 17 phường Trần Phú, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.**

Số ĐT liên lạc: **0901943668**

Trình độ văn hóa: **12/12**

Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư Thủy lợi – Thủy điện**



Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
08/2002 – 04/2008	Cán bộ kỹ thuật - BQL các dự án ĐT&XD huyện Bình Sơn
05/2008 – 10/2012	Tổ trưởng Tổ giám sát thi công XD và lắp đặt thiết bị NMTĐ Nước Trong, Trạm biến áp nâng 6,3/36,5kV, Đường dây tải điện 35kV,... dự án Thủy điện Nước Trong - Công ty CP Thủy điện Nước Trong
11/2012 – 09/2014	Trưởng phòng Kế hoạch Kỹ Thuật kiêm Quản đốc NMTĐ Nước Trong - Công ty CP Thủy điện Nước Trong
10/2014 – 12/2016	Phó giám đốc phụ trách Kỹ thuật kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Kỹ Thuật và Quản đốc NMTĐ Nước Trong - Công ty CP Thủy điện Nước Trong
01/2017 - nay	Phó giám đốc phụ trách Kỹ thuật kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Kỹ thuật - Công ty CP Thủy điện Nước Trong

Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Kỹ thuật.

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ (thời điểm 05/04/2019): 14.000 cổ phiếu, chiếm 0,13% vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 14.000 cổ phiếu, chiếm 0,13% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Bà Phạm Thị Trang (Vợ): sở hữu 10.000 cổ phiếu, chiếm 0,09% vốn điều lệ.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

12.3.3. Ông Ngô Trung Dũng – Phó Giám Đốc kiêm Kế toán trưởng

Họ và tên: **NGÔ TRUNG DŨNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 24/06/1975



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Nơi sinh: Đống Đa – Hà Nội
CMND: 212001331, ngày cấp: 09/09/2008, nơi cấp: Công an Quảng Ngãi
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú: Tổ 3 phường Nghĩa Lộ - TP Quảng Ngãi – tỉnh Quảng Ngãi.
Số ĐT liên lạc: 0986031122
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
08/2000 – 02/2004	Kế toán trưởng - Công ty TNHH Giao Thủy
02/2004 - nay	Kế toán trưởng - Công ty CP Thủy điện Nước Trong
12/2016 - nay	Phó Giám đốc phụ trách Tài chính - Công ty CP Thủy điện Nước Trong

Chức vụ công tác tại Công ty: Phó GD phụ trách tài chính kiêm Kế toán trưởng
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm 05/04/2019): 111.081 cổ phiếu, chiếm 1,03% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu: 111.081 cổ phiếu, chiếm 1,03% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người Bà Nguyễn Thị Phương Thảo (Vợ): sở hữu có liên quan: 45.000 cổ phiếu, chiếm 0,42% vốn điều lệ.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

13. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)

Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2017, 31/12/2018 và 31/03/2019 như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Danh mục tài sản	31/12/2017			31/12/2018			31/03/2019		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)
I.	TSCĐ hữu hình	376.868.860	287.800.443	76,37	386.762.467	277.163.303	71,66	386.807.922	271.981.542	70,31
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc	119.171.098	93.548.358	78,50	127.597.945	96.032.051	75,26	127.597.945	94.487.466	74,05
2.	Máy móc và thiết bị	169.063.180	125.001.363	73,94	170.474.615	117.715.295	69,05	170.474.615	115.509.728	67,76
3.	Phương tiện vận tải	88.585.680	69.245.397	78,17	88.641.005	63.415.957	71,54	88.641.005	61.941.500	69,88
4.	Thiết bị, dụng cụ quản lý	48.902	5.325	10,89	48.902	-	-	94.357	42.848	45,41
II.	TSCĐ vô hình	93.994	93.994	100	93.994	93.994	100	93.994	93.994	100
1.	Quyền sử dụng đất (*)	93.994	93.994	100	93.994	93.994	100	93.994	93.994	100
@	Tổng cộng	376.962.854	287.894.437	76,37	386.856.461	277.257.297	71,67	386.901.916	272.075.536	70,32

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, năm 2018 và BCTC quý 1 năm 2019 của CTCP Thủy điện Nước Trong

(*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại Thửa đất số B5 - Khu đất IVB1 Nam Sông Trà Khúc – Thành phố Quảng Ngãi.



14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

14.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2019 - 2020

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của đối với ngành kinh doanh cốt lõi dựa trên lợi thế cạnh tranh sẵn có của Công ty, điều kiện tự nhiên và tiềm năng phát triển thị trường, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty năm 2019 - 2020 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019		Kế hoạch 2020	
		Giá trị	%(+/-)/ TH2018	Giá trị	%(+/-)/ KH2019
Vốn điều lệ	108.020,53	108.020,53	-	108.020,53	-
Doanh thu thuần	88.915,48	97.785,69	9,98%	98.760,00	1,00%
Lợi nhuận sau thuế	25.289,31	33.117,85	30,96%	35.207,00	6,31%
Tỷ lệ LNST/DTT	28,44%	33,87%	-	35,65%	-
Tỷ lệ LNST/VĐL	23,41%	30,66%	-	32,59%	-
Cổ tức (% mệnh giá)	21%	27%	-	29%	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 ngày 25/04/2019 và kế hoạch năm 2020 của HĐQT CTCP Thủy điện Nước Trong.

14.2. Cơ sở thực hiện kế hoạch

Để thực hiện được các mục tiêu như kế hoạch đề ra, Ban lãnh đạo Công ty đã có các chỉ đạo về phương hướng điều hành và hoạt động sản xuất như sau:

➤ Giải pháp trong lĩnh vực SXKD, quản lý vận hành nhà máy thủy điện:

- Tập trung chỉ đạo việc sản xuất điện năng để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Chú trọng đầu tư cho phát triển công nghệ, nâng cấp hệ thống hạ tầng - công nghệ cho Công ty để từng bước đáp ứng với nhu cầu quản lý hiện đại và phù hợp với mức độ tăng trưởng của Công ty.
- Thực hiện duy tu bảo dưỡng, thí nghiệm định kỳ các thiết bị đầy đủ và đúng quy định hiện hành vào thời gian thích hợp để sẵn sàng cho việc phát điện và giảm thiểu suất sự cố xảy ra.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

- Chấp hành tốt các quy trình, quy phạm trong công tác quản lý vận hành nhà máy thủy điện và các quy định trong an toàn điện.
 - Tính toán tối ưu phát điện, trong đó tập trung vào việc phân tích, dự báo mực nước để phát điện đạt kết quả tối ưu, kết hợp với tính toán hiệu quả kinh tế phát điện vào giờ cao điểm, sử dụng kết quả phân tích để điều chỉnh phương án phát điện trong các trường hợp cụ thể.
 - Thường xuyên theo dõi, cập nhật các thông tin về thời tiết, thủy văn trên địa bàn và các khu vực thượng lưu để chủ động trong hoạt động phát điện.
- ✦ **Công tác tài chính:**
- Đảm bảo công tác thanh khoản và thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ bán điện; trả gốc, lãi vay ngân hàng theo đúng kỳ hạn.
- ✦ **Công tác quản trị nhân lực:**
- Tạo điều kiện về môi trường làm việc chuyên nghiệp, cơ hội phát triển bản thân và thu nhập cạnh tranh để thu hút nhân tài, người có chuyên môn, có trình độ năng lực, có kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty .
 - Thường xuyên đánh giá năng lực và khả năng của CBNV để bố trí công việc phù hợp; mạnh dạn đề bạt những cán bộ trẻ, có trình độ, nhiệt huyết vào những vị trí quản lý.
 - Thực hiện chính sách khen thưởng công bằng, linh hoạt. Xem khen thưởng là sự chia sẻ thành công của doanh nghiệp đối với người lao động.
- ✦ **Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:**
- Tiếp tục làm việc với các cấp chính quyền để đấu nối Thủy điện Nước Trong vào Trạm biến áp 110/35/22kV Sơn Hà nhằm giảm tổn thất và giảm thời gian ngừng phát điện do sự cố đường dây tải điện 35kV từ Sơn Hà - Núi Bút. Khi được phép đấu nối vào Trạm biến áp 110/35/22kV Sơn Hà sẽ tiến hành đầu tư đoạn đường dây tải điện đấu nối vào trạm.
- ✦ **Các công tác khác:**
- Chỉ đạo Ban điều hành bám sát và thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT.
 - Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản điều hành, tạo hành lang pháp lý vững mạnh cho Công ty.



- Tổ chức các phiên họp thường kỳ và tổ chức các cuộc họp giao ban với Ban điều hành khi cần thiết để giám sát hoạt động và đảm bảo việc tuân thủ đúng các quyết định của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin định kỳ và bất thường cho cổ đông và công chúng theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

14.3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý 1 năm 2019

Trong 03 tháng đầu năm 2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt kết quả tích cực hơn so với cùng kỳ năm 2018. Cụ thể, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế trong quý 1 năm 2019 của Công ty đạt giá trị lần lượt là 36,73 tỷ đồng và 19,04 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 5,33% và 8,08% so với quý 1 năm 2018. Căn cứ kế hoạch năm 2019 dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên năm 2019, Công ty đã hoàn thành hơn 37% kế hoạch doanh thu và hơn 57% kế hoạch lợi nhuận cho cả năm.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với góc độ là một tổ chức tư vấn, Chúng tôi đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý để đưa ra những đánh giá về hoạt động kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của CTCP Thủy điện Nước Trong.

Với đà phát triển liên tục và ổn định, chiến lược hoạt động dựa trên những thế mạnh sẵn có của Nước Trong, trong bối cảnh tiềm năng phát triển của ngành còn khá lớn, Chúng tôi cho rằng các kế hoạch lợi nhuận, cổ tức và các mục tiêu phát triển của Công ty là hoàn toàn khả thi nếu không chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng. Chúng tôi cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Công ty đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, ngành và Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
2. Mã chứng khoán: NTH
3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
4. Tổng số chứng khoán niêm yết: 10.802.053 cổ phần
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết:

Theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 về điều kiện đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: *"Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ."*

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và cổ đông lớn là người có liên quan đến người nội bộ của CTCP Thủy điện Nước Trong cam kết giữ 100% cổ phần do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phần trong thời gian 6 tháng tiếp theo theo quy định trên với chi tiết như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP sở hữu	SLCP cam kết nắm giữ trong vòng 6 tháng	SLCP cam kết nắm giữ trong vòng 1 năm
1	Nguyễn Đình Xuân	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	610.161	610.161	305.081
2	Nguyễn Văn Cao	Thành viên	1.378.715	1.378.715	689.358
3	Đình Vạn Tiến	Thành viên	860.046	860.046	430.023
4	Lê Văn Hưng	Thành viên	15.664	15.664	7.832
5	Nguyễn Đình Thọ	Thành viên	383.831	383.831	191.916



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP sở hữu	SLCP cam kết nắm giữ trong vòng 6 tháng	SLCP cam kết nắm giữ trong vòng 1 năm
6	Huỳnh Thị Kim Cúc	Trưởng BKS	42.858	42.858	21.429
7	Nguyễn Hữu Quang	Thành viên	98.177	98.177	49.089
8	Hoàng Thị Thùy	Thành viên	0	0	0
9	Võ Hồ	Phó Giám đốc	14.000	14.000	7.000
10	Ngô Trung Dũng	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	111.081	111.081	55.541
@	TỔNG CỘNG		3.514.533	3.514.533	1.757.269

Nguồn: CTCP Thủy điện Nước Trong.

6. Phương pháp tính giá:

6.1. Giá trị sổ sách

Stt	Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
1	Vốn chủ sở hữu (đồng)	125.926.673.462	135.844.478.986	154.882.878.546
2	Số lượng cổ phần lưu hành (cổ phần)	10.802.053	10.802.053	10.802.053
3	Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (đồng/cổ phần)	11.658	12.576	14.338

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và BCTC quý 1 năm 2019 của NTH

6.2. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định dựa trên việc tham khảo kết quả định giá cổ phiếu của Công ty theo 02 phương pháp sau đây:

- Phương pháp so sánh P/B (Giá trên giá trị sổ sách mỗi cổ phần)
- Phương pháp so sánh P/E (Giá trên thu nhập mỗi cổ phần)

Chúng tôi sử dụng số liệu của một số công ty hiện đang niêm yết, có cùng ngành nghề hoạt động với CTCP Thủy điện Nước Trong để làm cơ sở so sánh. Theo đó, cơ sở để lựa chọn các công ty thực hiện so sánh như sau:

- Tương đồng về ngành nghề hoạt động: Sản xuất và kinh doanh thủy điện.



- Đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Có đủ dữ liệu so sánh.

a. Phương pháp so sánh P/B

Giá niêm yết dự kiến được xác định căn cứ giá trị sổ sách của NTH tại thời điểm gần nhất (BV_{NTH}) và chỉ số giá trên giá trị sổ sách tham chiếu của ngành hoặc của nhóm đơn vị tương đương trong ngành ($P/B_{tham\ chiếu}$). $P/B_{tham\ chiếu}$ được tính dựa trên mức giá đóng cửa và giá trị sổ sách của các công ty thủy điện hiện đang niêm yết trên SGDCK Tp.HCM và SGDCK Hà Nội tại một thời điểm xác định.

$$\text{Giá trị cổ phiếu NTH} = BV_{NTH} \times P/B_{tham\ chiếu}$$

b. Phương pháp so sánh P/E

Giá niêm yết dự kiến được xác định căn cứ thu nhập trên mỗi cổ phần của NTH tại năm gần nhất (EPS_{NTH}) và chỉ số giá trên thu nhập mỗi cổ phần tham chiếu của ngành hoặc của nhóm đơn vị tương đương trong ngành ($P/E_{tham\ chiếu}$). $P/E_{tham\ chiếu}$ được tính dựa trên mức giá đóng cửa và thu nhập trên mỗi cổ phần của các công ty thủy điện hiện đang niêm yết trên SGDCK Tp.HCM và SGDCK Hà Nội tại một thời điểm xác định.

$$\text{Giá trị cổ phiếu NTH} = EPS_{NTH} \times P/E_{tham\ chiếu}$$

Căn cứ vào các phương pháp xác định giá nêu trên và một số phương pháp phù hợp khác, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tính toán và ra quyết định về mức giá tham chiếu phù hợp tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Sau khi niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Nước Trong của nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Số lượng cổ phần của các cổ đông nước ngoài đến ngày 05/04/2019 là 0 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 0% số lượng cổ phần đã phát hành.



8. Các loại thuế có liên quan

8.1. Thuế liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp

⚡ **Thuế giá trị gia tăng:**

Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán điện thương phẩm.

⚡ **Thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Công ty được hưởng ưu đãi đối với dự án thủy điện như sau:

- Được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh. Năm 2012 là năm đầu tiên Nhà máy thủy điện Nước Trong đi vào hoạt động, do vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% từ năm 2012 đến năm 2026.
- Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi Công ty có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty phát sinh thu nhập chịu thuế.
- Trong năm 2019, Công ty đã hết thời gian được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng vẫn được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (đến năm 2027) theo quy định.

⚡ **Thuế tài nguyên:**

Công ty chịu thuế tài nguyên được áp dụng đối với nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện theo quy định tại Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10/12/2015 với mức thuế suất là 5%.

⚡ **Các loại thuế khác:**

Các loại thuế khác như: thuế môn bài, thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân,... được Công ty thực hiện theo các quy định hiện hành tại Việt Nam.

8.2. Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty

⚡ **Đối với nhà đầu tư cá nhân**

Theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 và Điều 16 của Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015, thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán): 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.



± Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.
- Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

- Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Địa chỉ: Tầng 1-2-3-4-5, Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q.1, TP. HCM

Điện thoại: 84.28.6299 2006 - Fax: 84.28.6291 7986

Website: www.vdsc.com.vn - Email: vdsc@vdsc.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Địa chỉ: Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: 84.236.3655886 - Fax: 84.236.3655887

Website: www.aac.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty;
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 và BCTC quý 1 năm 2019.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 05 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐÌNH XUÂN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

HUỲNH THỊ KIM CÚC

PHÓ GIÁM ĐỐC
KIỂM KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGÔ TRUNG DŨNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HIẾU

BẢN CÁO BẠCH